CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Số: 21/2024/VFG-QHCĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. **Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

- Mã chứng khoán: VFG
- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457
- E-mail: Info@vfc.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên 2023

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/03/2024 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0302327629 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN DŨNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302327629
Reason: I am approving this document
Location: your signing location here
Date: 2024.03.28 15:04:37+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3822 8097

Fax: 028 3829 0457

Email: info@vfc.com.vn

www.vfc.com.vn

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 03

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

QUẢN TRỊ CÔNG TY 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 06

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Tên quốc tế	VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VFC
Địa chỉ	29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN số	0302327629 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001, thay đổi lần thứ 30 ngày 29/09/2022.

Vốn điều lệ:
417.146.140.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
417.146.140.000 đồng

028 3822 8097

www.vfc.com.vn

028 3829 0457

Mã cổ phiếu:
VFG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1993, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quyết định hợp nhất các tổ chức Khử trùng thuộc Cục Bảo Vệ Thực Vật thành lập Công ty Khử trùng Việt Nam (VFC). Đến năm 2001, VFC hoàn tất việc cổ phần hóa toàn bộ công ty, trở thành công ty cổ phần đầu tiên trong ngành khử trùng và nông dược. VFC niêm yết trên HOSE, chính thức giao dịch từ ngày 17/12/2009 với mã VFG. Dưới đây là các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của VFC.

1976

>> Thành lập Đội Khử Trùng trực thuộc Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1985

>> Hợp nhất từ Công ty Khử Trùng 1 và 2 thành Công ty Khử Trùng Việt Nam.

1993

>> Bộ Nông Nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quyết định thành lập Công ty Khử trùng Việt Nam trên căn cứ sáp nhập hai công ty khử trùng I và II, trụ sở chính tại Tp.HCM.

1999

>> Công ty tách một bộ phận kinh doanh nông dược sang cổ phần hóa, lấy tên là Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam. Vốn điều lệ 16.633.500.000 đồng.

2001

>> Công ty tiếp tục cổ phần hóa bộ phận còn lại, lấy tên là Công ty cổ phần Khử Trùng Giám Định Việt Nam. Vốn điều lệ 12.000.000.000 đồng.

2007

>> Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược của Công ty tăng vốn lên 40 tỷ đồng. Đồng thời, trong thời gian này, Công ty thực hiện sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư Hồng Đức tăng vốn điều lệ lên 46 tỷ đồng và trở thành công ty đại chúng ngày 26/07/2007.

2009

>> 08/2009: Công ty thực hiện đổi tên thành Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam.

2009

>> 12/2009: Thành công niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán VFG, chính thức giao dịch từ ngày 17/12/2009.

2012

>> Thực hiện Dự án tái cấu trúc Công ty, khởi động tiến hành cải cách, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trên toàn hệ thống.

2019

>> Tổ chức, sáp nhập một số chi nhanh nhằm củng cố và nâng cao quản lý để ổn định kinh doanh & tiếp tục bổ sung đầu tư một số dây chuyền, thiết bị Nhà Máy Thuốc BVTV Long An, đầu tư sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc, thay thế và sửa chữa phương tiện vận chuyển các chi nhánh để phục vụ công tác bán hàng.

2022

>> Công ty thực hiện Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Qua đó, nâng vốn điều lệ lên 417.146.140.000 đồng.

2023

>> Lũy kế năm 2023, doanh thu thuần của VFG đạt 3,262 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 296 tỷ đồng. Đây đều là những con số cao nhất mà Công ty ghi nhận được từ trước đến nay, phá kỷ lục doanh thu và lợi nhuận năm 2022.

Là Công ty khử trùng hàng đầu tại Việt nam, với trên 30 năm kinh nghiệm, có sự đầu tư đồng bộ từ con người đến trang thiết bị. Đến năm 2023, VFC tự hào đã cung cấp các sản phẩm chất lượng và các chương trình hỗ trợ người nông dân, góp phần vào sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

“Phát triển nền nông nghiệp và cải thiện môi trường sống, cung cấp các sản phẩm hỗ trợ giống cây trồng và dịch vụ kiểm soát dịch hại qua việc ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới” là tuyên ngôn sứ mệnh của Công ty, VFC đã và đang dẫn đầu Việt Nam về chất lượng và năng lực cạnh tranh. Trong nhiều năm qua, Công ty luôn liên tục đón nhận các giải thưởng, huân chương, điều này càng khẳng định thành tựu cùng giá trị mà VFC đã đóng góp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

NĂM	CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
1989	» Đón nhận Huân chương Lao động hạng III
1998	» Được chọn làm điều phối viên dự án về các giải pháp thay thế Methyl Bromide trong khử trùng nhằm bảo vệ tầng Ozone của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO).
1999	» Gia nhập Hiệp hội Khử trùng Hàng Hải quốc Tế - IMFO. » Gia nhập Hiệp hội Quản lý Dịch hại - NPMA, USA. » Đón nhận Huân chương Lao động hạng II.
2001	» Đón nhận huân chương Lao động hạng I
2009	» Niêm yết thành công tại Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
2019	» VFC là công ty khử trùng đầu tiên tại Việt Nam có chi nhánh được chấp nhận xử lý bọ xít hôi nâu bằng Methyl bromide đối với các loại hình: Container, hàng đổ xá, hàng đơn lẻ nhập khẩu vào Úc.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

VFC kinh doanh các loại sản phẩm và dịch vụ là Nông dược và giống cây trồng, Dịch vụ khử trùng, Dịch vụ kiểm soát dịch hại và Dịch vụ cho thuê văn phòng:

Nông dược và giống cây trồng

- VFC bắt đầu tham gia lĩnh vực kinh doanh Nông dược từ năm 1994, đến nay VFC là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về việc cung ứng sản phẩm chất lượng cao, hiệu quả tốt cho bà con nông dân.
- Các sản phẩm chính của VFC bao gồm Giống cây trồng; thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu thế giới, đảm bảo chất lượng, mang lại hiệu quả cao và rất được khách hàng tín nhiệm.
- VFC tự hào là một trong những nhà phân phối hàng đầu tại Việt Nam cho các sản phẩm của Syngenta, Corterva, Kumiai, Nihon Nohyaku, Sinon, KingElong, NuFarm, Agrilife ... và đang tiếp tục phát triển các sản phẩm mới.
- Đối tượng khách hàng chính của VFC là những nông trại, nông dân ruộng lớn có trình độ kỹ thuật và có thu nhập ổn định, hứa hẹn triển vọng gắn bó dài lâu với các sản phẩm có chất lượng của VFC.

Kiểm soát dịch hại

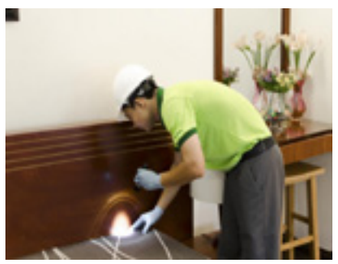

- Dịch vụ kiểm soát dịch hại (VFC – PestMaster) cũng là một thế mạnh của VFC. Thế mạnh này càng được khẳng định khi VFC trở thành thành viên chính thức của Tổ chức kiểm soát dịch hại đa quốc gia NPMA năm 1999.
- "PestMan – Chuyên gia diệt côn trùng" tự hào là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát côn trùng lâu năm và uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay. Nhờ đội ngũ các chuyên viên - nhân viên giỏi chuyên môn cùng mạng lưới các chi nhánh rộng khắp trên trên toàn quốc, dịch vụ VFC – PestMaster có thể đáp ứng và hỗ trợ nhanh chóng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn.
- VFC – PestMan chuyên cung cấp dịch vụ kiểm soát dịch hại cho các nhóm đối tượng sau: Cao ốc văn phòng, khách sạn, nhà hàng; Trung tâm thương mại, siêu thị; Nhà máy, khu chế xuất, khu công nghiệp; Công trình xây dựng, nhà ở; Phương tiện đường biển, hàng không, giàn khoan dầu khí.

Dịch vụ khử trùng

- VFC là Công ty đầu tiên cung cấp dịch vụ khử trùng tại Việt Nam, với thế mạnh về chất lượng và hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động, VFC luôn giữ vị thế số 1 trong ngành. VFC hiện chiếm thị phần khoảng 60% thị phần tùy từng mặt hàng.
- Từ sau năm 1975 đến năm 2001, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được Chính phủ giao nhiệm vụ dự trữ quốc gia về thuốc khử trùng, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định công tác diệt trừ dịch hại trên hàng hóa xuất nhập khẩu.
- VFC cũng là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam áp dụng các phương pháp khử trùng tiên tiến nhất trên thế giới như Aluminium Phosphide (AIP), công nghệ khử trùng J-System của Degesch America, SIROFLO, SIROCIRC, VAPOR3PHOS, ECO-2FUME dùng cho bảo quản hàng trong kho hoặc hệ thống silo.
- Trên phương diện quốc tế, VFC là thành viên sáng lập Hiệp hội khử trùng quốc tế IMFO. Bên cạnh đó, VFC còn là điều phối viên Chương trình thay thế Methyl Bromide do Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc UNIDO tại Việt Nam.

Lĩnh vực cho thuê văn phòng

- Văn phòng trụ sở Tòa nhà VFC Tower có quy mô 10 tầng văn phòng, chuyên biệt 6 sàn cho thuê diện tích mỗi sàn 249 m^2 và tầng hội trường, phòng họp chuyên dụng.

Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam trên khắp Việt Nam với trụ sở chính ở Thành phố Hồ Chí Minh và 18 đơn vị trực thuộc.

Địa bàn kinh doanh

STT	Chi nhánh và điểm kinh doanh	Địa chỉ
1	Chi nhánh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
2	Điểm kinh doanh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
3	Chi nhánh Đà Nẵng	Số 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
4	Điểm kinh doanh Trung Trung bộ	Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
5	Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
6	Điểm kinh doanh Nam Trung bộ	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
7	Chi nhánh Nha Trang	Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
8	Điểm kinh doanh Đắk Lắk	Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
9	Điểm kinh doanh Đồng Nai	B7 KDC Xóm Hố, Ấp Ngô Quyền, Xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
10	Văn phòng Bình Dương	Số 5/2, Ấp 1B, Xã An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
11	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
12	Điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh tại TP.HCM (Kho Hóc Môn)	Số 49, Đường Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
13	Chi nhánh Đức Hòa Long An	Lô B, Số 107, KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
14	Điểm kinh doanh Sông Tiền	Số 154, Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
15	Điểm kinh doanh Sông Tiền 2	467 Quốc lộ 1A, Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.
16	Chi Nhánh Bắc Sông Hậu	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
17	Điểm kinh doanh Bắc Sông Hậu	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
18	Chi nhánh Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
19	Điểm kinh doanh Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
20	Điểm kinh doanh Sóc Trăng	Thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 06, Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
21	Điểm kinh doanh Vùng Đông Nam Bộ 2	Ô 2, KP Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

63

Tỉnh thành trên cả nước

21

Chi nhánh và điểm kinh doanh

01

Trụ sở chính

Tòa nhà VFC, Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu bộ máy quản lý của VFC được phân chia dựa trên chức năng của từng bộ phận. Theo đó, cơ cấu này giúp nhân sự của VFC được làm việc theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ của mình. Từ đó giúp công ty chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

VFC không có Công ty con, Công ty liên kết

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

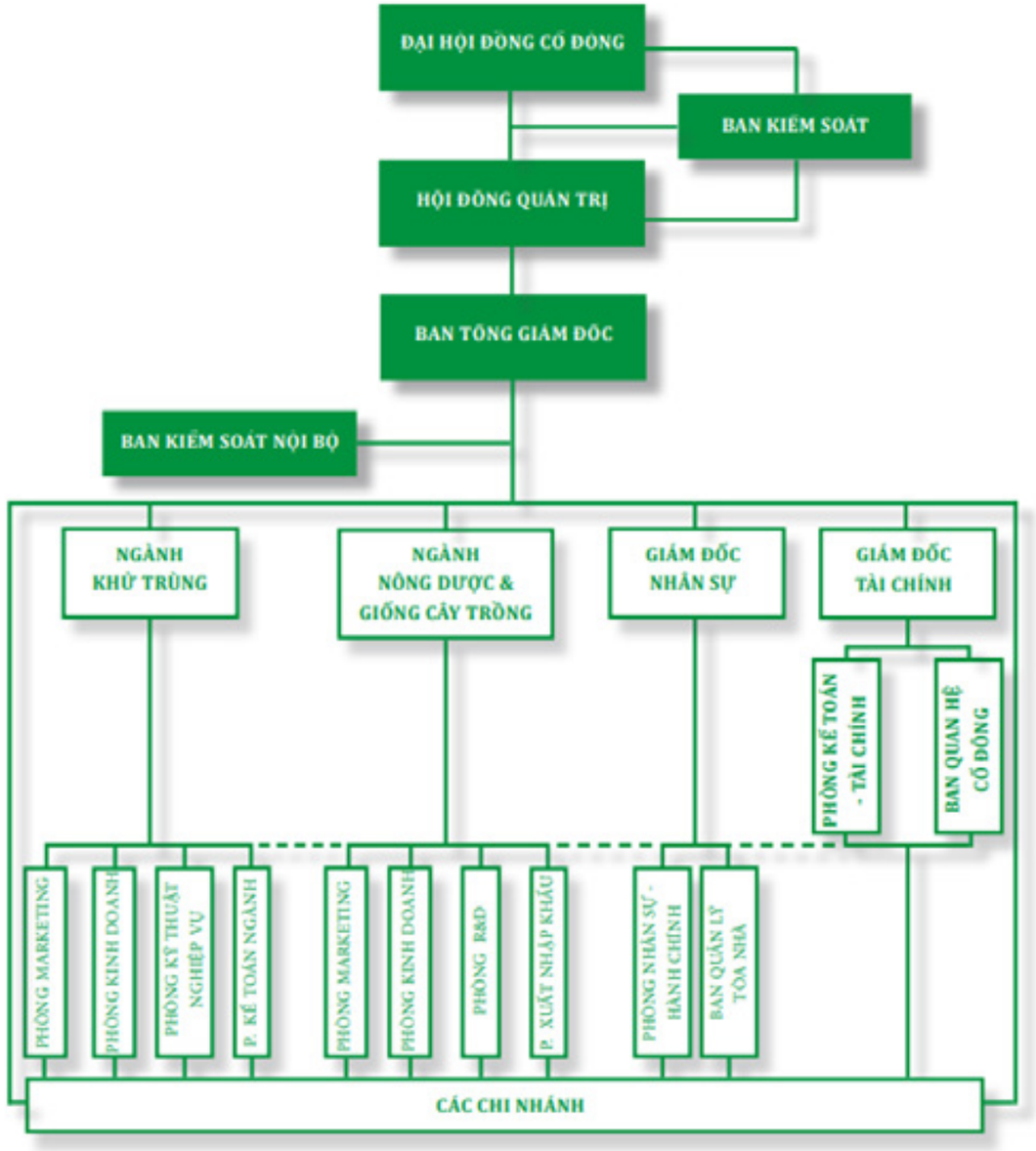

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

VFC cung cấp các sản phẩm Nông dược; Giống cây trồng; các dịch vụ Khử Trùng và Kiểm soát dịch hại có chất lượng cao từ các đối tác có uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

VFC mang đến cho khách hàng và bà con nông dân các sản phẩm, dịch vụ chất lượng được đảm bảo, phù hợp với những tiêu chuẩn hàng xuất khẩu và bảo vệ môi trường.

Qua đó:

+ Mang đến sự yên tâm cho bà con nông dân, nâng cao uy tín cho khách hàng;
+ Nâng cao giá trị, cổ tức cho cổ đông ngày càng cao;
+ Nâng cao đời sống và niềm tự hào cho người lao động.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công tác phát triển sản phâm và dịch vụ

+ Củng cố bộ sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tăng sức cạnh tranh.
+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm sản phẩm, phát triển mới các dịch vụ để bổ sung đáp ứng các nhu cầu phòng trừ và kiểm soát dịch hại.
+ Rà soát và chuẩn hóa các quy chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hàng xuất khẩu và tiêu chuẩn sản phẩm hợp quy.
+ Đẩy nhanh tiến độ phát triển sản phẩm mới: bổ sung các sản phẩm còn thiếu trong các giải pháp của VFC; Phát triển các sản phẩm mới do VFC chủ sở hữu.

Công tác quy hoạch và phát triển Hệ thống phân phối, kênh bán hàng

Hệ thống Chi Nhánh, cửa hàng, kho bãi:

+ Quy hoạch Hệ thống Chi nhánh đảm bảo cung ứng sản phẩm, dịch vụ kịp thời và hiệu quả.
+ Quy hoạch lại Hệ thống nhà kho, bãi chứa hàng hóa đảm bảo sức chứa và thuận lợi trong giao hàng và quản lý vật tư, hàng hóa.
+ Xây dựng kho trung tâm, tổ chức lại công tác điều phối hàng hóa, cải tiến cơ chế quản lý và điều phối hàng.

Hệ thống đại lý cấp 1 và cấp 2:

+ Chọn lọc Hệ thống mạng lưới cấp 1 và cấp 2 để nâng cao chất lượng và hiệu quả phân phối sản phẩm, dịch vụ.
+ Mở rộng Hệ thống mạng lưới đại lý cấp 1 và cấp 2 tại các thị trường trọng điểm và thị trường mới để tăng độ phủ thị trường.
+ Xác lập lại hệ thống phân phối theo chủ trương của công ty: VFC cùng C1 chăm sóc đại lý bán lẻ.

Chính sách bán hàng

+ Xây dựng điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo từng khu vực địa bàn, từng nhóm khách hàng mục tiêu mang lại hiệu quả cao cho Hệ thống phân phối.
+ Cải tiến công tác quản lý và thanh lý chính sách bán hàng đáp ứng kịp thời và tăng lợi ích cho đại lý.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tt)

Về Công tác Marketing

+ Xây dựng các chương trình, hoạt động tạo lực hút trực tiếp marketing gắn với thị trường và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.
+ Đa dạng hóa hình thức hoạt động marketing và linh hoạt các hoạt động truyền thông.
+ Cải tiến các hoạt động marketing hiệu quả, nâng cao hiệu quả đối với lực lượng Tiếp sức cùng nông dân.
+ Tăng cường các chương trình tài trợ, ủng hộ các hoạt động y tế, giáo dục cho đối tượng vùng sâu, vùng xa, dân nghèo, hoàn cảnh khó khăn, cộng đồng nhằm củng cố thương hiệu công ty.
+ Tham gia các hoạt động, diễn đàn, hiệp hội nghề nghiệp.

Về Công tác quan hệ:

Với cổ đông:

+ Tăng cường công tác quan hệ cổ đông, cung cấp kịp thời đầy đủ về thông tin hoạt động của công ty.
+ Đảm bảo mức cổ tức cao hàng năm cho cổ đông và giá trị doanh nghiệp ngày càng tăng.
+ Theo dõi thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông và báo cáo thông tin kịp thời theo Luật chứng khoán và yêu cầu của UBCKNN.

Với đối tác chiến lược và đối tác khác:

+ Tăng cường mối quan hệ và hợp tác, chia sẻ với đối tác chiến lược.
+ Gắn kết các hoạt động kinh doanh và sứ mạng của đối tác chiến lược và công ty.
+ Cam kết thực hiện tốt những thỏa thuận với đối tác khác.

Với cơ quan quản lý, khoa học kỹ thuật:

+ Tăng cường mối quan hệ và hợp tác truyền thống với các cơ quan quản lý, các nhà khoa học trong các chương trình và nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Với các tổ chức Đoàn thể trong công ty:

+ Tăng cường chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhằm góp phần tạo sự gắn kết tập thể người lao động, xây dựng doanh nghiệp văn hóa.

Công tác đầu tư

Cơ sở vật chất:

+ Hoàn thiện đầu tư nhà máy, mở rộng sản xuất sản phẩm nông dược, thuốc khử trùng, kiểm soát côn trùng để đáp ứng đủ nhu cầu bán hàng.
+ Bổ sung đầu tư xây dựng, sửa chữa Chi Nhánh, nhà kho, trang bị các trang thiết bị, dụng cụ quản lý.
+ Trang bị phương tiện vận tải, thiết bị làm việc để thuận tiện trong việc triển khai và xử lý các vấn đề liên quan đến sản xuất và kinh doanh.

Kỹ thuật, công nghệ:

+ Cải tiến kỹ thuật sản xuất sản phẩm, dịch vụ để nâng cao năng suất.
+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ sản xuất mới, phát triển dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

Công tác tài chính, kế toán

+ Chủ động thu thập, phân tích thông tin phục vụ công tác Lập kế hoạch, dự báo về tình hình tài chính để cân đối tốt tài chính, sử dụng vốn hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.
+ Tăng cường công tác quản lý tài sản, tài chính, rà soát lại các chính sách quản lý tài chính, điều chỉnh để chính sách tài chính phù hợp đối với các bộ phận, ưu tiên các bộ phận Bán hàng, Marketing, Phân phối và Phát triển sản phẩm.
+ Cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán và phần mềm kế toán nhằm đáp ứng kịp thời về thông tin tài chính và lập Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị kịp thời thông tin cho các cấp quản lý và đối tượng kiểm soát.
+ Tăng cường kiểm tra, kiểm soát dữ liệu và chứng từ kế toán tại các đơn vị để đảm bảo hạch toán đúng và kịp thời.

Công tác tổ chức - nhân sự và quản trị công ty

+ Cơ cấu lại đội ngũ theo hướng trẻ hóa, quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nắm giữ vị trí quan trọng nhằm tăng khả năng thích ứng, năm bắt kịp yêu cầu phát triển của Công ty.
+ Cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng linh hoạt nhằm mang lại sự công bằng và thu hút động giỏi và phát huy sự cống hiến của người lao động.
+ Tuyển dụng; bố trí; sắp xếp lại lao động các cấp để đáp ứng kịp thời nguồn lao động phục vụ yêu cầu phát triển của công ty.
+ Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề của người lao động. Tổ chức các lớp học để nâng cao kỹ năng quản lý và nghiệp vụ cho nhân viên nhằm mang lại hiệu quả làm việc ngày càng cao hơn.
+ Tiếp tục cải tiến, thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành công ty. Rà soát và sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng trẻ hóa phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược.
+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, đơn vị trong công ty.
+ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung của công ty và xây dựng chính sách ưu đãi cụ thể đối với đội ngũ kế thừa.

Chỉ tiêu về tăng trưởng Doanh thu, thị phần và Lợi nhuận

+ Dù khó khăn về thị trường do tình hình ảnh hưởng của bệnh dịch và giá cả nông sản bấp bênh nhưng vẫn nỗ lực khai thác tối đa thị trường để doanh số không ảnh hưởng nhiều và thị phần chung giữ vững.
+ Chỉ tiêu về Lợi nhuận: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt bình quân từ 4% - 5% một năm.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tt)

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

+ Với sứ mệnh mang lại sự thỏa mãn tối đa các lợi ích của khách hàng, đối tác và cộng đồng thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng được đảm bảo. VFC hướng đến những mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng với những yêu cầu đa dạng của thị trường, phù hợp với những tiêu chuẩn hàng xuất khẩu và bảo vệ môi trường. Qua đó mang lại giá trị doanh nghiệp, cổ tức của cổ đông ngày càng tăng cao; nâng cao đời sống và niềm tự hào cho người lao động.
+ Song song đó, đối mặt với hiểm họa thay đổi khí hậu toàn cầu vốn là thách thức chung của toàn thế giới, VFC chung tay cùng xã hội góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường qua các chiến lược xanh, dự án xanh như: tối ưu hóa nguồn nguyên liệu, bảo vệ nguồn nước, nghiên cứu các dự án xanh, năng lượng xanh…
+ Với tầm nhìn vươn ra biển lớn, VFC nỗ lực để trở thành nhà phân phối và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trong ngành Nông dược; Giống cây trồng và các dịch vụ kỹ thuật cây trồng; các dịch vụ Khử Trùng và Kiểm soát dịch hại có uy tín hàng đầu tại Việt Nam. VFC không ngừng nghiên cứu và phát triển những sản phẩm chất lượng, an toàn. Đồng thời xây dựng những kênh phân phối hiệu quả, đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo nên môi trường chuyên nghiệp làm nền tảng cho hệ thống cung cấp dịch vụ chất lượng đến khách hàng.
+ Đối với các mục tiêu tài chính, VFC thực hiện kết hợp nhuần nhuyễn của các phòng ban. Tận dụng các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến 4.0, để xây dựng nên một dây chuyền làm việc hiệu quả nhằm tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa lợi nhuận. Đảm bảo dòng tiền được luân chuyển hiệu quả. Qua đó không chỉ góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp mà còn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách nhà nước và phát triển xã hội, đóng góp vào GDP, góp phần đưa nền kinh tế nước nhà phát triển và vươn tầm thế giới.
+ Yếu tố quan trọng nhất của một doanh nghiệp chính là “Con người”. Nhận thức được điều đó, VFC chú trọng các mục tiêu phát triển con người. Không chỉ là đào tạo chuyên môn, mà còn chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên. thăm hỏi và hỗ trợ khi ốm đau, thăm hỏi khi gia đình cán bộ nhân viên có hiếu hỷ và các hoạt động nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái trong công ty. Tổ chức các hoạt động gắn kết, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên được học hỏi tiếp cận các kiến thức cần thiết. Qua đó xây dựng được nguồn nhân lực có đầy đủ trình độ và phẩm chất, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung của công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

VFC là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, do đó, mọi biến động của nền kinh tế đều sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của VFC. Năm 2023 là một năm xảy ra nhiều biến động kinh tế. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế, tăng trưởng ở hầu hết các nền kinh tế phát triển đều bị ảnh hưởng bởi chính sách thắt chặt kinh tế nhằm ổn định lạm phát và tỷ giá. Xung đột Nga – Ukraine trở nên phức tạp hơn, chiến tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động vào quá trình phục hồi kinh tế trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các sự kiện này đã tạo sức ép lên ngành kinh tế, làm gia tăng chi phí hoạt động, tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, làm sụt giảm lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp.

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội GDP năm 2023 của Việt Nam đạt 5,05%, giảm 3,07% so với năm 2022. Đóng góp vào mức tăng trưởng trên; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2023 tăng 3,88% so với năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong tương lai, dự kiến bối cảnh kinh tế thế giới sẽ còn những diễn biến khó lường từ các mâu thuẫn địa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Điều này cũng sẽ phần nào tác động đến tình hình kinh tế Việt Nam.

Ở một diễn biến tích cực khác, các bất ổn trong kinh tế và chính trị gây ra nhiều rủi ro về an ninh lương thực ở nhiều quốc gia, khiến các quốc gia này tăng cường nhập khẩu lương thực, tạo cơ hội cho sự phát triển của nền nông nghiệp. Trong năm 2023, Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam đã ghi nhận mức xuất khẩu là 8,2 triệu tấn, đạt 4,7 tỷ USD, tăng 14,7% về khối lượng và 35,7% về giá trị so với năm 2022. Việc nền nông nghiệp Việt Nam phát triển, gạo được giá đã giúp người nông dân Việt Nam yên tâm canh tác, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm nông dược để nâng cao sản lượng và chất lượng hạt gạo. Từ đó, đem lại nhiều cơ hội mở rộng doanh thu cho các Công ty kinh doanh sản phẩm đầu vào của ngành nông nghiệp trong đó bao gồm cả VFC.

Trong năm, để hạn chế các rủi ro từ nền kinh tế chung, VFC đã luôn theo dõi, đánh giá và phân tích xu hướng thị trường để dự đoán sớm những thay đổi có thể ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó VFC nhanh chóng đưa ra các chính sách, định hướng kinh doanh phù hợp, giúp Công ty hạn chế tối đa rủi ro và tận dụng được các cơ hội mà vĩ mô mang lại. Bên cạnh đó, VFC cũng xây dựng các kế hoạch tài chính và kế hoạch dự phòng để có thể giúp Công ty kịp thời ứng phó trước sự biến động của kinh tế.

CÁC RỦI RO (tt)

Rủi ro khí hậu

Thời tiết là một trong những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân, những người là khách hàng chính sử dụng sản phẩm của Công ty. Năm 2023 tình hình thời tiết toàn cầu xảy ra nhiều hiện tượng bất thường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, hiện tượng El Nino xuất hiện vào nửa cuối mùa hè và diễn ra với cường độ mạnh vào cuối năm 2023. Dự báo hiện tượng El Nino có thể duy trì đến năm 2024 với xác suất khoảng 70-80%. Với tình hình khí hậu này thì nguy cơ xảy ra nắng nóng, hạn hán, thiếu nước sẽ diễn ra ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình trồng trọt của bà con nông dân.

Để ứng phó với rủi ro thời tiết, VFC đã thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ nông dân và nhà phân phối - nhóm đối tượng khách hàng trực tiếp của Công ty. Công ty tập trung vào việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, tập trung phát triển các dòng sản phẩm có khả năng thích ứng tốt giá cả cạnh tranh. Đặc biệt, VFC chú trọng củng cố và mở rộng hệ thống phân phối tập trung vào khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm nhằm đảm bảo sản phẩm được cung ứng kịp thời và dễ dàng tiếp cận bà con nông dân.

Bên cạnh đó, công tác tập huấn và hỗ trợ đại lý kinh doanh được VFC đặc biệt chú trọng, thông qua việc tổ chức các khóa đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm và kỹ thuật canh tác tiên tiến. Việc thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến dịch hại và các biến đổi khí hậu giúp Công ty cung cấp những thông tin quan trọng cho nông dân, hỗ trợ họ trong việc đưa ra các quyết định canh tác chính xác, từ đó giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa sản xuất.

Rủi ro giá nguyên liệu

Giá nguyên liệu có ảnh hưởng trực tiếp lên giá bán cuối cùng của sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Năm 2023, giá dầu và các loại hàng hóa hạ nhiệt, nhưng vẫn còn neo ở mức cao do hành động cắt giảm sản lượng của OPEC+, xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn tiếp diễn gây hạn chế nguồn cung từ Nga. Giá nguyên liệu hóa chất đầu vào để sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ cũng tăng khoảng 6-7% trong năm 2023. Việc giá nguyên liệu đầu vào tăng sẽ kéo theo giá bán sản phẩm của các đối tác cung cấp sản phẩm cho VFC tăng. Điều này gây ảnh hưởng đến biên lợi nhuận, doanh số bán hàng và tình hình tài chính của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, VFC đã chủ động xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác tích cực với các tổ chức tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước nhằm giúp công ty dễ dàng đàm phán và tranh thủ được nguồn tài chính ngắn hạn. Công ty luôn tích cực quan sát, đưa ra các dự đoán về biến động giá nguyên vật liệu nhằm có những chính sách, chiến lược kinh doanh phù hợp.

Rủi ro tỷ giá

Tham gia lĩnh vực kinh doanh nông dược từ năm 1996, VFC chuyên công đóng gói và phân phối các sản phẩm từ các tập đoàn, công ty quốc tế hàng đầu thế giới chủ yếu đến từ Nhật Bản và Hoa Kỳ. Theo đó, các biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí nhập khẩu hàng hóa, ảnh hưởng đến lợi nhuận và sự ổn định tài chính của VFC.

Trong năm 2023, tỷ giá giữa VND và USD chịu sự chi phối lớn giữa các chính sách kiềm chế lạm phát của các ngân hàng trung ương. Tính từ tháng 3 năm 2022 đến hết năm 2023, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ có tổng cộng 11 lần tăng lãi suất và trong năm 2023 là 4 lần, điều này đã gây sức ép lên tỷ giá VND và USD. Tuy nhiên Ngân hàng trung ương Việt Nam đã áp dụng chính sách can thiệp ngoại tệ linh hoạt, hạn chế áp lực biến động bất thường của tỷ giá, khéo léo giữ mức giảm giá của VND so với USD ở ngưỡng hợp lý.

Để hạn chế các rủi ro về tỷ giá, VFC thực hiện các biện pháp như lập kế hoạch và phương án dòng tiền đề phòng. Kế hoạch này sẽ giúp VFC nhanh chóng huy động được nguồn vốn để thanh toán hàng hoá vào những lúc tỷ giá biến động mạnh. Bên cạnh đó công ty cũng xây dựng tốt mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính, ngân hàng giúp việc đàm phán về hạn mức tín dụng và mua bán ngoại tệ dễ dàng hơn.

CÁC RỦI RO (tt)

Rủi ro pháp luật

- VFC là một công ty đại chúng đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là VFG. Do đó, Công ty sẽ chịu sự chi phối từ hệ thống các văn bản luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, … Bên cạnh đó với đặc thù kinh doanh ngành nông dược với các sản phẩm khử trùng như thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ dễ ảnh hưởng đến môi trường và hệ sinh thái. Do đó VFG còn phải tuân thủ thêm các bộ luật trong ngành như Luật Nông nghiệp, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật,… Theo đó, hiện nay khung pháp lý và hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang từng bước hoàn thiện và điều chỉnh. Các sự thay đổi này đều ít nhiều tác động đến tình hình quản trị và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, VFC đã hệ thống hóa, cập nhật liên tục các văn bản và luật pháp liên quan. Cụ thể, VFC tập trung vào việc tổ chức và cập nhật các luật và quy định liên quan đến điều kiện sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, cũng như các quy định về môi trường, quản lý chất thải, hóa chất và phòng cháy chữa cháy. Bên cạnh đó, VFC cũng chú trọng đến việc hệ thống và cập nhật các quy định về lao động và an toàn lao động trong sản xuất. Ngoài ra, Công ty còn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn, các cơ quan ban ngành để cập nhật sớm nhất những thay đổi, bổ sung trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam

Rủi ro khác

Công ty đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau trong hoạt động kinh doanh, bao gồm cả những tác động bất khả kháng từ các yếu tố tự nhiên và xã hội. Các rủi ro này có thể bao gồm các thiên tai, dịch bệnh, sự cố cháy nổ, ảnh hưởng từ các vấn đề chính trị và biến đổi khí hậu, thủy văn và nhiều yếu tố khác. Mặc dù tần suất xảy ra của những rủi ro này khá thấp, nhưng chúng có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện liên tục, tránh được các tổn thất không đáng có. Các biện pháp này bao gồm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn, đồng thời thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết và xã hội. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết để bảo vệ quyền lợi của Công ty, cổ đông, khách hàng và đối tác. Tất cả các biện pháp này giúp Công ty đối phó với những rủi ro trong hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, liên tục.

Rủi ro môi trường

Đặc thù của ngành nông dược nói riêng và ngành hóa chất nói chung là có tác động lớn đến môi trường. Các chất thải của ngành thường có mức độ độc hại lớn và gây nguy hiểm cho tự nhiên và con người. Qua đó, các hoạt động sản xuất, lưu trữ, bảo quản và vận chuyển đi phân phối trên thị trường của Công ty có thể xảy ra các sự cố về môi trường nếu không được quản lý một cách chặt chẽ. Với mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, Công ty luôn cải tiến quy trình, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị. Đồng thời, lập kế hoạch phòng ngừa để ứng phó với các sự cố rò rỉ hóa chất. Các nhà máy ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường hiện đại với công suất xử lý được lượng lớn chất thải. Bên cạnh đó, Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các chế độ bảo hiểm để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức, nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/ 2022
1	Doanh thu thuần	2.976.781	3.262.420	109,60%
2	Giá vốn hàng bán	2.266.660	2.483.469	109,57%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	56.289	71.896	127,73%
4	Chi phí tài chính	37.620	39.297	104,46%
5	Chi phí bán hàng	388.581	353.027	90,85%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.535	81.596	149,62%
7	Chi phí khác	3.294	2.962	89,94%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285.674	376.927	131,94%
8	Lợi nhuận khác	2.006	(1.195)	-
9	Lợi nhuận trước thuế	287.681	375.733	130,61%
10	Lợi nhuận sau thuế	229.164	295.577	128,98%

Nhận xét

Năm 2023, doanh thu thuần của VFC đạt 3.262.420 triệu đồng tăng 9,60%, tương đương tăng 285.639 triệu đồng so với năm 2022. Trong đó, Doanh thu bán hàng hóa & thành phẩm (chủ yếu là sản phẩm nông dược) chiếm 84,12% cơ cấu doanh thu của Công ty. Theo đó, sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong năm của Công ty chủ yếu xuất phát từ hoạt động kinh doanh ở mảng này. Trong năm 2023, tổng kết kết quả kinh doanh của ngành nông nghiệp Việt Nam ghi nhận diễn biến tích cực kéo theo việc gia tăng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nông dược, tạo cơ hội thuận lợi để VFC gia tăng doanh số và doanh thu bán hàng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty là 376.927 triệu đồng tăng 31,94%, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 295.577 triệu đồng tăng 28,98% tương đương tăng 66.413 triệu đồng so với năm 2022. Trong năm 2023, Công ty kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn, duy trì và cải thiện biên lợi nhuận trước những khó khăn do bối cảnh kinh tế chung mang lại. Chi phí tài chính tăng nhẹ 4,46%, chi phí bán hàng giảm 9,15%, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 49,62%, các loại chi phí khác giảm 10,06% so với năm 2022. Biên lợi nhuận gộp năm 2023 là 23,88% cao hơn 2% so với năm 2022, giúp Công ty gia tăng được khả năng sinh lời từ số doanh thu được tạo ra. Giá vốn hàng bán chiếm 76,12% doanh thu thuần tăng 9,57% tương đương tăng 216.809 triệu đồng so với năm 2022.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	% TH/KH 2023
1	Doanh thu(*)	3.663.000	3.557.308	97,11%
2	Lợi nhuận trước thuế	315.000	375.733	119,28%
3	Lợi nhuận sau thuế	250.000	295.577	118,23%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	20% mệnh giá CP	20% mệnh giá CP (**)	-

(*): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(**): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 sắp tới.

Nhận xét

Tổng kết năm 2023, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VFC đạt 3.557.308 triệu đồng, hoàn thành 97,11% kế hoạch được đề ra. Các chỉ tiêu về lợi nhuận của VFC như lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đều hoàn thành vượt kế hoạch. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt ghi nhận 375.733 và 295.577 triệu đồng, đạt 119,28% và 118,23% kế hoạch. Nguyên nhân của việc này là do trong năm Công ty đã có sự cải thiện trong quá trình quản lý, kiểm soát chặt chẽ hơn các loại chi phí, trong đó tiêu biểu là chi phí bán hàng giảm 9,15%, các loại chi phí khác giảm 10,06%.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Ông Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	779.751	1,87%
2	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	565.068	1,35%
3	Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	33.995	0,08%
4	Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng giám đốc	88.779	0,21%
5	Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng	109.506	0,26%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông:
TRƯƠNG CÔNG CỨ
Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

- **Ngày sinh:** 11/12/1955
- **Nơi sinh:** Sài Gòn
- **Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư nông nghiệp
- **Quá trình công tác**:
  + Từ 1976 - 1979: Cán bộ kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật
  + Từ 1980 – 1981: Trưởng phòng kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật vùng II
  + Từ 1981 - 1989: Cán bộ kỹ thuật Công ty Khử Trùng Việt Nam
  + Từ 1990 - 1991: Phó giám đốc Công ty Khử Trùng Việt Nam
  + Từ 1991 - 1999: Phó giám đốc CTCP Khử Trùng Giám Định Việt Nam
  + Từ 1999 – 09/2009: Phó Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
  + Từ 10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 779.751 cổ phần chiếm 1,87% vốn điều lệ.
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan**: Không có

Bà:
NGUYỄN BẠCH TUYẾT
Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ

- **Ngày sinh:** 10/11/1942
- **Nơi sinh:** Quảng Ngãi
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư nông nghiệp
- **Quá trình công tác:**
  + Từ 1976 - 1984: Chi cục phó Cục Bảo vệ thực vật
  + Từ 1985 - 1999: Giám đốc công ty Khử trùng Việt Nam
  + Từ 1999 - 2000: Giám đốc CTCP Khử Trùng Giám Định Việt Nam
  + Từ 2001 - 09/2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
  + Từ 10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khử Trùng Việt Nam
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Yến
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 565.068 cổ phần chiếm 1,35% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Nguyễn Hoàng Anh	Con	230.457	0,55%
2	Nguyễn Hoàng Linh	Con	157.782	0,38%
3	Thân Trọng Hoàn Mỹ	Con dâu	1.545.424	3,70%

Ông:
TRẦN VĂN DŨNG
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

- **Ngày sinh:** 30/12/1975
- **Nơi sinh:** An Giang
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**
  + Từ 1998 -1999: Kế toán kho Công ty Haprosimex Sài Gòn
  + Từ 2000 - 2011: Kế toán viên, Kế toán trưởng CTCP Bảo vệ Thực vật An Giang
  + Từ 2012 - 2015: Chuyên viên tư vấn
  + Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, Người được ủy quyền Công bố thông tin CTCP Khử Trùng Việt Nam.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 33.995 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ.
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tt)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông:
ĐÀO XUÂN TRỌNG
Phó Tổng Giám đốc

- **Ngày sinh:** 13/07/1972
- **Nơi sinh:** Hải Dương
- **Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư kinh tế
- **Quá trình công tác**:
  - + 1994 - 2002: Đội trưởng Khử trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2003 - 2008: Phó Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2008 - 2009: Trưởng Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2009 - 2011: Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2012 - 2019: Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2019 - 2021: Giám Đốc Ngành KTR & PCO CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 19/01/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Khử trùng Việt Nam
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 88.779 cổ phần chiếm 0,21% vốn điều lệ.
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan**: Không có

Bà:
PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG
Kế toán trưởng

- **Ngày sinh:** 23/03/1978
- **Nơi sinh:** Long An
- **Trình độ chuyên môn**: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác**:
  - + 2000 - 2012: Kế toán viên tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2012 - 2021: Phó Phòng Tài chính - Kế toán CTCP Khử trùng Việt Nam.
  - + 2021 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Khử trùng Việt Nam.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 109.506 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan**: Không có

Danh sách thay đổi thành viên Ban Điều hành: Không có

Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ *(%)*
A	**Theo trình độ**	**1442**	**100,00%**
1	Trên đại học	13	0,90%
2	Đại học	528	36,62%
3	Cao đẳng	152	10,54%
4	Trung cấp	126	8,74%
5	Lao động phổ thông	623	43,20%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1442**	**100,00%**
1	Hợp đồng không thời hạn	823	57,07%
2	Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm	578	40,08%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	41	2,84%
C	**Theo giới tính**	**1442**	**100,00%**
1	Nam	1349	93,55%
2	Nữ	93	6,45%

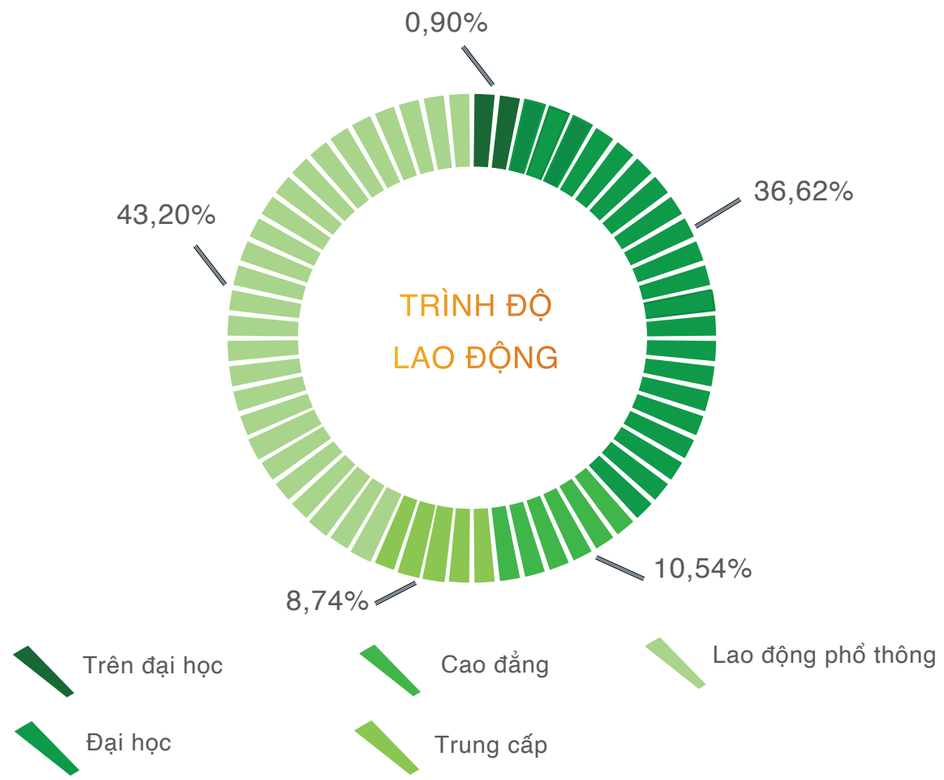

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tt)

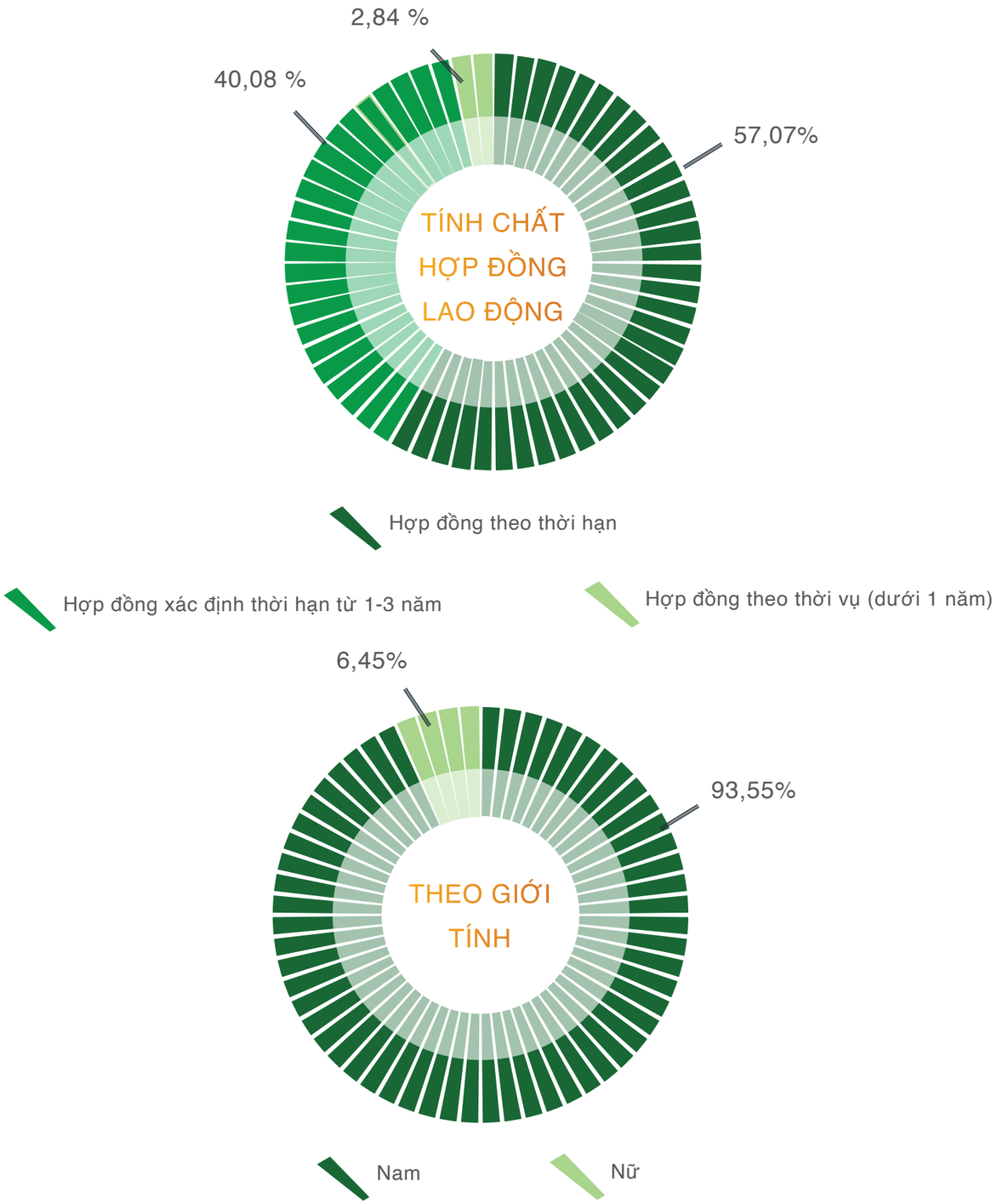

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	1.268	1.269	1.394	1.442
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.000.000	11.000.000	12.000.000	14.000.000

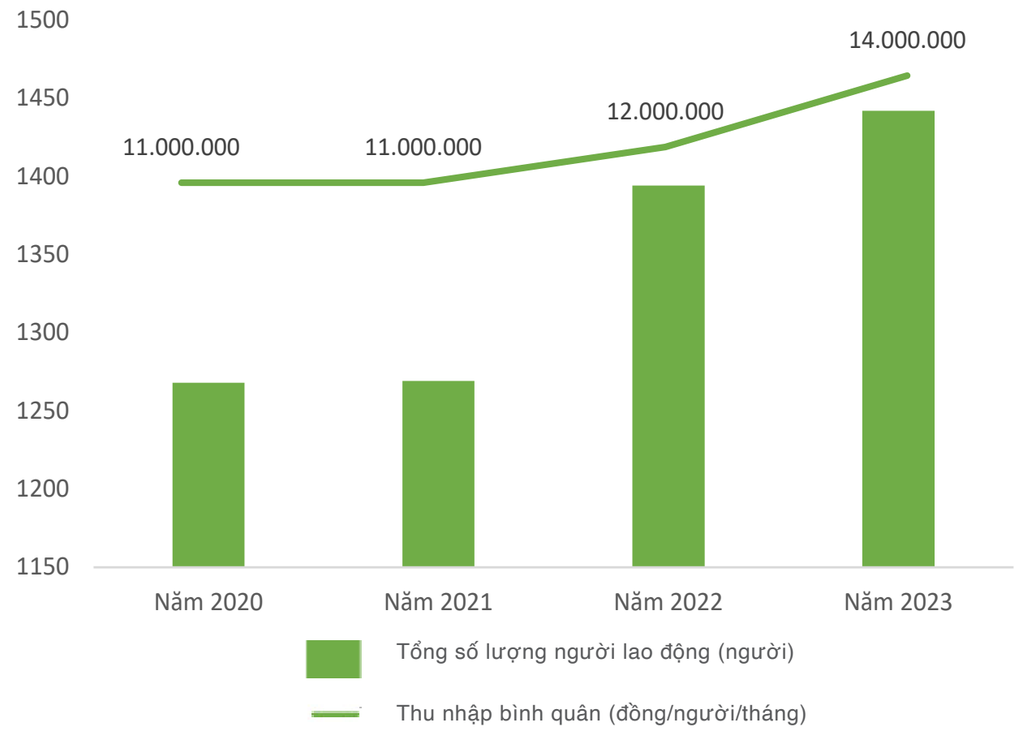

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Công ty coi trọng con người như một tài sản vô cùng quý giá, và để tận dụng hiệu quả tối đa từ nguồn lực quý này, Công ty tập trung mạnh mẽ vào việc đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ, đồng thời tạo cơ hội phát triển cho nhân viên. Chúng tôi luôn tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên có thể tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài, nhằm đáp ứng được yêu cầu của công việc hiện tại và đồng thời chuẩn bị cho tương lai của Công ty. Đặc biệt, Công ty thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện và khích lệ sự phát triển chuyên môn của nhân viên.

Công ty chủ yếu tập trung vào đào tạo nghiệp vụ trong lĩnh vực khử trùng và PCO, với nhiều đợt đào tạo khử trùng và PCO được tổ chức cho cán bộ và nhân viên của các Chi nhánh trong ngành. Kết quả đào tạo đã được đánh giá là mang lại hiệu quả cao, đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức và kỹ năng của cán bộ nhân viên trong ngành.

Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những nhân sự có năng lực để tham gia vào đội ngũ làm việc của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty áp dụng một hệ thống quy chế tuyển dụng và đào tạo rõ ràng, với các tiêu chuẩn cụ thể được thiết lập tùy thuộc vào từng vị trí công việc. Ngoài việc sử dụng lực lượng sẵn có trong tổ chức, Công ty cũng chú trọng vào việc bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao, nhằm tăng cường đội ngũ và đáp ứng linh hoạt các yêu cầu của quá trình cạnh tranh và phát triển.

Môi trường công việc

- Với triết lý “Nhân viên được coi là tài sản và người bạn đồng hành quan trọng trên hành trình thành công và phát triển của Doanh nghiệp,” VFC liên tục quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những cá nhân xuất sắc, có năng lực và tâm huyết, đóng góp tích cực để hướng tới mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức giờ làm việc từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần, mỗi ngày 8 giờ. Trong trường hợp Công ty có nhu cầu yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, người lao động sẽ được sắp xếp nghỉ bù để bảo đảm tuân thủ quy định làm việc.
- Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên sẽ được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và nhận nguyên lương trong thời gian nghỉ. Đối với những nhân viên đã làm việc từ 12 tháng trở lên, họ được quyền nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể chọn nghỉ phép một lần trong năm hoặc phân chia đều vào các tháng. Thời gian nghỉ phép có thể kéo dài đến hết quý 01 của năm tiếp theo.
- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành của Nhà Nước liên quan đến nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản được xác định là 06 tháng theo quy định, và người lao động sẽ được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương trong thời gian này.
- Tổ chức công đoàn: Công đoàn trong Công ty hoạt động một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống về cả tinh thần và vật chất cho cán bộ nhân viên. Công đoàn tổ chức các hoạt động động viên và khen thưởng đặc biệt cho con của nhân viên có thành tích học tập xuất sắc. Công đoàn cũng chú ý và hỗ trợ nhân viên trong các tình huống khẩn cấp như khó khăn đột xuất, tang gia, hiếu hỉ hay tình trạng đau ốm.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ (tt)

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chế độ lương và các khoản phụ cấp

Công ty luôn đảm bảo rằng tất cả nhân viên, khi ký hợp đồng chính thức với công ty, đều tham gia bảo hiểm bắt buộc, bao gồm Bảo hiểm Xã hội (BHXH), Bảo hiểm Y tế (BHYT) và Bảo hiểm Thất nghiệp (BHTN).

Mức lương cơ bản được xác định để làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho nhân viên luôn cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

VFC cam kết thực hiện việc tăng lương cơ bản định kỳ cho nhân viên. Số lượng nhân viên được điều chỉnh tăng lương sẽ bao gồm những cá nhân có hiệu suất làm việc xuất sắc hoặc phải đảm nhận thêm trách nhiệm công việc.

Chế độ thưởng

Để khuyến khích và động viên CBCNV đóng góp tích cực vào thành tựu tổng thể, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng thiết thực và đảm bảo phúc lợi. Bên cạnh tiền lương, nhân viên trong Công ty còn được thưởng tùy theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Từ năm 2012, chương trình thưởng cổ phiếu đã được triển khai cho những CBCNV xuất sắc và có đóng góp quan trọng đối với VFC. Chính sách này đã tạo động lực mạnh mẽ, khích lệ nhân viên nỗ lực vượt qua mức đề ra trong các nhiệm vụ của họ.

Chính sách phúc lợi

- BHXH, BHYT & BHTN: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước.
- Khám sức khỏe hàng năm: Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm, một lần cho cán bộ quản lý và hai lần cho công nhân nhà máy.
- Quà sinh nhật: Áp dụng cho toàn thể CBCNV Công ty.
- Du lịch, nghỉ mát hàng năm: Tổ chức hàng năm theo Bộ phận.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng mức TH	Tỷ lệ TH	Ghi chú
1	Thay mới một số phương tiện vận tải	10.000	11.716	117,16%	
2	Đầu tư, phát triển sản phẩm	10.000	14.395	143,95%	
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả	3.000	2.897	96,57%	
4	Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị nhà máy Long An	5.000	-	0,00%	Chưa thực hiện (*)
5	Đầu tư nâng cấp văn phòng VFC, chi nhánh, Điểm kinh doanh	3.000	806	26,87%	
6	Xây dựng văn phòng điểm kinh doanh sông Tiền	7.000	3.193	45,61%	
	Tổng mức đầu tư	38.000	33.007	86,86%	

(*) Chưa thực hiện do chờ đăng ký trang thiết bị dây chuyền máy chiết rót dạng OD và WG.

Kết quả triển khai và thực hiện dự án trong năm 2023:

Trong năm, VFC đã tiến hành 6 hạng mục đầu tư theo kế hoạch được thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26/04/2023 với tổng mức đầu tư là 33.007 triệu đồng. Trong đó, có một hạng mục đầu tư chưa được thực hiện là hạng mục đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị nhà máy Long An.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	2.756.470	2.945.608	106,86%
2	Doanh thu thuần	2.976.781	3.262.420	109,60%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285.674	376.927	131,94%
4	Lợi nhuận khác	2.006	(1.195)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	287.681	375.733	130,61%
6	Lợi nhuận sau thuế	229.164	295.577	128,98%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35%	20%(*)	-

(*): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 sắp tới

NHẬN XÉT

Năm 2023, tổng giá trị tài sản của VFC đạt 2.945.608 triệu đồng, tăng nhẹ 6,86% so với năm 2022. Nguyên nhân của sự gia tăng tài sản này xuất phát từ việc Công ty có sự gia tăng trong mục tài sản ngắn hạn, cụ thể là sự gia tăng tại mục Các khoản phải thu ngắn hạn, với khoản Phải thu của khách hàng gia tăng 20,09% tương đương tăng 118.770 triệu đồng, và Các khoản Phải thu khác tăng 18.108 triệu đồng. Sự gia tăng mạnh tại khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng và khoản Phải thu khác đã cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đang được mở rộng đáng kể trong năm.

Doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt 3.262.420 triệu đồng, tăng trưởng 6,55% tương đương tăng 285.639 triệu đồng so với năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm ngành lúa gạo Việt Nam nhận được cơ hội từ tình hình vĩ mô, nhu cầu lương thực, lúa gạo trên thế giới tăng cao khiến giá gạo xuất khẩu của Việt Nam trong năm tăng vượt kỳ lục. Cụ thể theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam đã ghi nhận mức xuất khẩu là 8,2 triệu tấn, đạt 4,7 tỷ USD, tăng 14,7% về khối lượng và 35,7% về giá trị so với năm 2022. Điều này đã khiến người nông dân yên tâm sản xuất, đẩy mạnh đầu tư cho các sản phẩm đầu vào để nâng cao chất lượng và năng suất cây trồng. Do đó, tạo ra điều kiện thuận lợi để VFC tăng trưởng doanh thu.

Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã có sự cải thiện về bộ máy nhân sự, nâng cao hiệu quả hoạt động, để duy trì và kiểm soát mức độ gia tăng của các loại chi phí. Tiêu biểu, trong năm Công ty đã cắt giảm được chi phí bán hàng 9,15%, chi phí khác 10,06%. Từ đó, nâng cao được khả năng tạo ra lợi nhuận, giúp lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt đạt 375.733 triệu đồng và 295.577 triệu đồng, tăng 30,61% và 28,98% so với năm 2022.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,48	1,52
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,89
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	58,63	57,71
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	141,85	136,48
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,74	2,35
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,28	1,14
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	7,70	9,06
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	21,24	24,79
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,69	10,37
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,60	11,55

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2023, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của VFC có sự tăng nhẹ so với năm 2022. Hệ số thanh toán ngắn hạn của VFC là 1,52 lần, tăng 0,04 lần và hệ số thanh toán nhanh là 0,89 lần, tăng 0,06 lần so với năm 2022. Nguyên nhân của sự tăng nhẹ này xuất phát từ việc khoản Tài sản ngắn hạn gia tăng, cụ thể là khoản Phải thu ngắn hạn có sự gia tăng 96,57% tương đương 578.598 triệu đồng, do hoạt động mở rộng kinh doanh và bán hàng của Công ty. Việc gia tăng đáng kể của khoản Phải thu ngắn hạn này cũng đóng góp vào sự gia tăng của hệ số thanh toán nhanh và giúp VFC có thể linh hoạt hơn trong tình hình tài chính trong ngắn hạn.

CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN

Các hệ số giữa nợ và tổng tài sản hay nợ và vốn chủ sở hữu của VFC có sự giảm nhẹ trong năm 2023. Nguyên nhân là do Công ty có sự gia tăng về vốn chủ sở hữu, trong năm phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty có sự gia tăng từ 498.519 lên 604.177 triệu đồng. Nguyên nhân của việc gia tăng phần lợi nhuận chưa phân phối này là do trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận đặt ra, đạt 295.577 triệu đồng, cao hơn kế hoạch 18,23% tương đương 45.577 triệu đồng. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành kế hoạch chia cổ tức cho năm 2022 và tạm ứng cổ tức cho năm 2023 theo kế hoạch là 20%.

CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2023 của VFC đạt 2,35 vòng, giảm nhẹ 0,39 vòng so với năm 2022. Nguyên nhân của việc giảm nhẹ này là do hàng tồn kho bình quân của Công ty trong năm gia tăng, cao hơn 27,62% so với năm 2022. Năm 2022 và 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty dần hồi phục sau các tác động của đại dịch Covid-19, nhờ những cơ hội của ngành nông nghiệp Việt Nam đang nắm bắt được, Công ty đã đẩy mạnh việc nhập khẩu hàng hóa, nâng cao hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu nông nghiệp tại Việt Nam.

Vòng quay tổng tài sản năm 2023 của VFC đạt 1,14 vòng, giảm 0,14 vòng so với năm 2022. Nguyên nhân của việc này chủ yếu đến từ việc tổng tài sản bình quân năm 2023 của Công ty tăng 22,73% so với năm 2022 . Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc trong năm 2022 và 2023, Công ty đã dần hồi phục lại hoạt động kinh doanh sau cú sốc của đại dịch Covid - 19, hoàn thành tốt các kế hoạch lợi nhuận, nâng cao các khoản Tiền mặt trong mục tài sản ngắn hạn, từ đó làm tăng Tổng tài sản của Công ty.

CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS) của VFC trong năm 2023 là 9,06%, tăng 1,36% so với năm 2022. Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) của VFC là 24,79%, tăng 3,55% so với năm 2022. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần của Công ty đạt 11,55%, tăng 1,95% so với năm 2022. Nguyên nhân của sự gia tăng các tỷ lệ sinh lời này là do trong năm Công ty có sự gia tăng đáng kể về doanh thu, kiểm soát tốt các khoản chi phí, giúp gia tăng tỷ lệ sinh lời trên mỗi đồng doanh thu được tạo ra. Cụ thể, VFC tận dụng được những thuận lợi từ ngành nông nghiệp Việt Nam đạt được, đẩy mạnh hoạt động bán hàng gia tăng doanh thu. Bên cạnh đó, Công ty đã cắt giảm được 9,15% chi phí bán hàng, các loại chi phí khác giảm 10,06% so với năm 2022. Điều này cũng đã đóng góp đáng kể vào sự gia tăng tỷ lệ sinh lời của Công ty.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) của VFC trong năm là 10,37%, thấp hơn năm 2022 0,32%. Nguyên nhân của việc này đến từ sự gia tăng của Tổng tài sản bình quân, cụ thể Tổng tài sản bình quân năm 2023 của Công ty tăng 22,73% so với năm 2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ:

417.146.140.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tính tại ngày 21/12/2023)

STT	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị *(đồng)*	Tỷ lệ sở hữu/VĐL *(%)*
I	**Cổ đông Nhà nước**	**-**	**-**	**-**
II	**Cổ đông trong nước**	**40.573.058**	**405.730.580.000**	**97,26**
1	Cá nhân	17.630.398	176.303.980.000	42,26
2	Tổ chức	22.942.660	229.426.600.000	55,00
III	**Cổ đông nước ngoài**	**1.141.556**	**11.415.560.000**	**2,74**
1	Cá nhân	32.421	324.210.000	0,08
2	Tổ chức	1.109.135	11.091.350.000	2,66
Tổng cộng (II+III)		**41.714.614**	**417.146.140.000**	**100,00**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 51% theo Công văn số 937/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/03/2023 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
41.712.614 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
41.712.614 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
2000 cổ phiếu

Loại cổ phần
Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu

Không có

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Lần đăng ký	Thời điểm	SLCP tăng thêm	Giá trị tăng thêm (đồng)	Lý do	Vốn điều lệ sau tăng (đồng)
1	Cấp lần đầu	09/12/2009	8.133.855	81.338.550.000	Đăng ký lần đầu	81.338.550.000
2	Điều chỉnh lần 1	19/07/2010	1.624.589	16.245.890.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/2-ĐHCĐTN 2010	97.584.440.000
3	Điều chỉnh lần 2	05/10/2011	2.924.309	29.243.090.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2011	126.827.530.000
4	Điều chỉnh lần 3	01/08/2012	290.000	2.900.000.000	Đăng ký bổ sung-CP ESOP 2011	129.727.530.000
5	Điều chỉnh lần 4	28/02/2013	310.000	3.100.000.000	Đăng ký bổ sung-CP ESOP 2012	132.827.530.000
6	Điều chỉnh lần 5	13/08/2015	4.402.683	44.026.830.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 3/1-ĐHCĐTN 2015	176.854.360.000
7	Điều chỉnh lần 6	06/07/2016	600.000	6.000.000.000	Đăng ký bổ sung Bán ưu đãi CBCNV	182.854.360.000
8	Điều chỉnh lần 7	05/07/2017	5.484.753	54.847.530.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2017	237.701.890.000
9	Điều chỉnh lần 8	19/07/2018	7.130.166	71.301.660.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2018	309.003.550.000
10	Điều chỉnh lần 9	21/08/2018	713.106	7.131.060.000	Đăng ký bổ sung Thưởng CBCNV	316.134.610.000
11	Điều chỉnh lần 10	02/08/2019	475.403	4.754.030.000	Đăng ký bổ sung Thưởng CBCNV	320.888.640.000
12	Điều chỉnh lần 11	31/08/2022	9.625.750	96.257.500.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2022	417.146.140.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Về mặt môi trường

Phát thải khí nhà kính (GHG) là các khí gây hiệu ứng nhà kính, bao gồm CO_2, CH_4 và N_2O, theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Năm 2023, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng và gây ra các thiệt hại to lớn. Chính phủ các quốc gia đang ngày càng nghiêm túc hơn trong việc giải quyết vấn đề này. Tình hình biến đổi khí hậu ngày càng trầm trọng. Nhiều quốc gia, đặc biệt là Châu Âu, đã áp dụng thuế Carbon cho hàng hóa nhập khẩu.

Nguồn doanh thu chính của VFC là từ việc kinh doanh các sản phẩm Nông dược để phục vụ cho nền nông nghiệp. Theo đó, trong quá trình kinh doanh của mình VFC sẽ tạo ra lượng phát thải trực tiếp từ quá trình vận chuyển và gián tiếp từ việc phục vụ cho sự phát triển của nền nông nghiệp này. Vi khuẩn tự nhiên trong đất và nước có khả năng chuyển đổi N_2 (Đạm) thành N_2O, sử dụng phân bón để tăng cường năng suất cây lúa có thể gia tăng quá trình này bởi vì chúng đưa vào môi trường lượng lớn N_2 tạo ra lượng N_2O.

Nhận thức được điều này, trong quá trình hoạt động của mình VFC luôn ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng sạch, khuyến khích, tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu giúp người nông dân Việt Nam có thể sử dụng phân bón hiệu quả, hạn chế tối đa lượng dư thừa phân bón gây ô nhiễm môi trường và tạo ra lượng khí GHG không cần thiết.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại các sản phẩm về nông dược như thuốc khử trùng, thuốc diệt cỏ, phân bón, giống lúa, … . Do đó, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của Công ty đến từ các sản phẩm được cung cấp bởi các nhà cung cấp đáng tin cậy ở nước ngoài. Đây là các sản phẩm liên quan đến hóa chất, vì vậy, VFC luôn nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý vận chuyển và bảo quản các sản phẩm này. Công tác được thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo rằng các sản phẩm được bảo quản đúng theo các tiêu chuẩn đặt ra. Ban quản lý các nhà kho và đại lý thường xuyên kiểm tra quá trình bảo quản của sản phẩm để đảm bảo tuân thủ quy chuẩn.

VFC
Chất lượng đích thực

Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2023, VFC tiêu thụ khoản 171.600 KWh điện năng và 3.700 lít dầu DO để phục vụ cho nhu cầu quản lý, vận chuyển và kinh doanh. Hai loại năng lượng này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong chuỗi giá trị của Công ty, do đó VFC luôn chú trọng việc xây dựng kế hoạch và đưa ra các chính sách giúp sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng này. Theo đó,trong năm VFC đã thường xuyên tổ chức các công tác tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ và người lao động để nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, để tăng hiệu suất tiết kiệm năng lượng, Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ cho thiết bị và máy móc, đồng thời tiến hành bảo trì đúng theo kỳ hạn. Đối với các thiết bị cũ, Công ty đưa ra giải pháp thay thế bằng các thiết bị mới có khả năng tiết kiệm nhiên liệu, nhằm tránh tình trạng lãng phí năng lượng.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước chính của VFC đến từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương, bao gồm các hồ chứa và nhà máy xử lý nước. Trong năm 2023, VFC đã sử dụng 4.348 m^3 nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình. Nước sạch là một nguồn tài nguyên có hạn, cần được sử dụng hợp lý và tiết kiệm. Hiểu được điều đó, VFC luôn chủ trương thực hiện đầy đủ các biện pháp tiết kiệm nước như: Thiết lập hệ thống giám sát nước để theo dõi mức sử dụng và phát hiện rò rỉ; Đặt hạn ngạch nước cho các hoạt động và quy trình công việc để giảm lãng phí; Tuyên truyền ý thức tiết kiệm đối với cán bộ nhân viên; … Bằng cách thực hiện những biện pháp này, VFC đã đóng góp vào việc bảo vệ nguồn nước và giảm chi phí liên quan đến sử dụng nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

VFC luôn chú trọng đặc biệt vào công tác bảo vệ môi trường xung quanh. Nhờ việc thực hiện đầy đủ công tác an toàn và vệ sinh lao động, cùng với việc duy trì môi trường làm việc sạch sẽ và an toàn, Công ty đã đảm bảo mức độ an toàn cao trong quá trình sản xuất.

Công ty liên tục cập nhật và tuân thủ các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ vào sự nắm bắt kịp thời này, Công ty đã duy trì tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường suốt quá trình hoạt động, và không có bất kỳ vi phạm nào trong năm.

Để tăng cường ý thức về bảo vệ môi trường trong đội ngũ cán bộ nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền và giáo dục. Điều này giúp xây dựng và duy trì một tinh thần chung trong Công ty về việc duy trì và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh doanh.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, các hoạt động cộng đồng cũng là một trong những sự quan tâm và ưu tiên của VFC. Công ty tin rằng, việc chịu trách nhiệm xã hội không chỉ mang lại những thành tựu tích cực mà còn góp phần vào sự bền vững của cộng đồng, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội không chỉ là nghĩa vụ mà còn là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. VFC là một doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông dược và thuốc khử trùng, Công ty hiểu rằng những người nông dân là những đối tác đáng tin cậy và quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Bên cạnh chương trình vui xuân cùng VFC, Công ty cũng đã hỗ trợ và đồng hành cùng bà con nông dân trên nhiều phương diện. Trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục phát huy nhiều chương trình hỗ trợ người nông dân, tiêu biểu là chương trình “Cùng người nông dân vượt qua bão giá”, đem đến những giải pháp và hướng đi giúp người nông dân vượt qua giai đoạn bão giá vật tư trong năm.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Năm 2023, tổng số lượng người lao động làm việc tại VFC là 1442 người tăng 48 người so với năm 2022, và mức lương trung bình là 14.000.000 đồng, tăng 16,67% tương đương 2.000.000 đồng so với năm 2022. Mức lương cơ bản được xác định để làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho nhân viên luôn được thiết lập cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ. VFC cam kết thực hiện việc tăng lương cơ bản định kỳ cho nhân viên. Số lượng nhân viên được điều chỉnh tăng lương sẽ bao gồm những người có hiệu suất làm việc xuất sắc hoặc phải đảm nhận thêm trách nhiệm công việc.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- VFC luôn đảm bảo rằng khi ký hợp đồng chính thức với công ty, tất cả nhân viên đều tham gia bảo hiểm bắt buộc, bao gồm Bảo hiểm Xã hội (BHXH), Bảo hiểm Y tế (BHYT), và Bảo hiểm Thất nghiệp (BHTN). Công ty tổ chức giờ làm việc từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần, mỗi ngày 8 giờ. Trong trường hợp có nhu cầu yêu cầu người lao động làm thêm giờ, người lao động sẽ được sắp xếp nghỉ bù để tuân thủ quy định làm việc. Nhân viên sẽ được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và nhận đầy đủ lương trong thời gian nghỉ.
- Đối với những nhân viên đã làm việc từ 12 tháng trở lên, họ được quyền nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể chọn nghỉ phép một lần trong năm hoặc phân chia đều vào các tháng, thời gian nghỉ phép có thể kéo dài đến hết quý 01 của năm tiếp theo. Thời gian nghỉ thai sản được xác định là 06 tháng theo quy định, và người lao động sẽ được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương trong thời gian này.
- Công ty vẫn duy trì chính sách chi trả lương cho nhân viên nghỉ làm việc do ốm đau hoặc nghỉ thai sản (ngoài chế độ bảo hiểm của Nhà Nước). Công đoàn trong Công ty hoạt động hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống cả về tinh thần và vật chất cho cán bộ nhân viên. Công đoàn tổ chức các hoạt động động viên và khen thưởng đặc biệt cho con của nhân viên có thành tích học tập xuất sắc. Ngoài ra, Công đoàn còn chú ý và hỗ trợ nhân viên trong các tình huống khẩn cấp như khó khăn đột xuất, tang gia, hiếu hỉ hay tình trạng đau ốm.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty đặt mức độ quan trọng cao đối với con người, xem nhân viên như một tài nguyên quý giá. Để tận dụng hiệu suất tối đa từ nguồn lực này, VFC đã tập trung mạnh mẽ vào việc đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ, cung cấp cơ hội phát triển cho nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và ngoại vi, giúp đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chuẩn bị cho tương lai. Đặc biệt, Công ty thiết lập quỹ đào tạo để khuyến khích sự phát triển chuyên môn của nhân viên.
- Công ty tập trung vào đào tạo nghiệp vụ trong lĩnh vực khử trùng và PCO. Nhiều đợt đào tạo về khử trùng và PCO đã được tổ chức cho cán bộ và nhân viên của các Chi nhánh trong ngành. Kết quả của đào tạo đã được đánh giá là mang lại hiệu suất cao, đồng thời đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức và kỹ năng của cán bộ nhân viên trong ngành.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Theo Bộ Tài chính Việt Nam, Thị trường vốn xanh là một trong những cơ sở hạ tầng phục vụ cho đầu tư xanh, định hình phát triển các sản phẩm tài chính. Các quy chế hoạt động của thị trường vốn nhằm mục đích huy động vốn cho các chương trình, dự án, và các hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường. Các quy chế hoạt động của thị trường vốn cũng phục vụ nhu cầu chính sách trong việc định hình luồng vốn và cách sử dụng các nguồn vốn hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Hiện tại, mặc dù VFG chưa có nhu cầu tham gia vào thị trường vốn xanh, tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các cam kết và hành động của công ty trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việc tích hợp chiến lược kinh doanh bền vững vào kế hoạch phát triển dài hạn của công ty và xây dựng các mối quan hệ với cộng đồng xanh, các tổ chức phi chính phủ có mục tiêu bền vững cũng được VFC chú trọng. Do đó, trong tương lai, khi Công ty có nhu cầu tham gia vào thị trường vốn xanh, các nền tảng hiện tại sẽ tạo cơ hội thuận lợi hơn cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Trong năm 2023, nền kinh tế chung gặp nhiều khó khăn và thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Lạm phát, khủng hoảng giá cả và các xung đột chính trị đã làm gia tăng đáng kể chi phí hoạt động của nhiều doanh nghiệp bao gồm cả VFC. Tuy nhiên trong bối cảnh này, theo Tổng cục thống kê Việt Nam, sự phát triển của ngành nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục là điểm sáng cho nền kinh tế Việt Nam, đóng góp 0,46% điểm, tăng 3,83% trong sự tăng trưởng kinh tế cả năm 2023.

Khó khăn

Năm 2023 giá cả các loại hàng hóa, hóa chất và nguyên liệu đã gia tăng mạnh, gây ra nhiều áp lực lên quá trình kinh doanh, kế hoạch phân bổ chi phí của VFC. Nguồn cung sản phẩm của VFC hầu hết đều được nhập khẩu từ các nhà cung cấp uy tín là các Công ty, tập đoàn quốc tế hàng đầu thế giới đến từ các quốc gia như Nhật Bản, USA, Israel,.. Do đó, điều này khiến Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì nguồn hàng ổn định về giá cả. Trong năm 2023, tỷ giá giữa đồng USD và VND xảy ra nhiều biến động, chủ yếu ghi nhận ở mức cao. Điều này khiến Ban lãnh đạo VFC phải tập trung quan sát và theo dõi tình hình biến động giá cả để có thể nhanh chóng nắm bắt thời điểm thích hợp cho việc nhập hàng hoá, gia tăng hàng tồn kho.

Thuận lợi

Sự phát triển và các kết quả tích cực mà nền nông nghiệp Việt Nam đạt được, trong năm 2023, đã đem đến nhiều thuận lợi trong việc gia tăng doanh thu của VFC.

Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam đã ghi nhận mức xuất khẩu là 8,2 triệu tấn, đạt 4,7 tỷ USD, tăng 14,7% về khối lượng và 35,7% về giá trị so với năm 2022. Giá bình quân của gạo Việt Nam trong năm là 580 USD/tấn, đồng nghĩa với mức tăng trưởng 19% so với mức giá 485 USD/tấn năm 2022. Sự gia tăng giá trị của lúa gạo đã giúp người nông dân Việt Nam yên tâm canh tác, đẩy mạnh đầu tư các sản phẩm đầu vào để nâng cao sản lượng và chất lượng hạt gạo. Từ đó, đem đến nhiều cơ hội mở rộng doanh thu của VFC. Bên cạnh đó, sự quan tâm và chỉ đạo từ Ban lãnh đạo của VFC cũng là một trong những thuận lợi mà công ty có được trong năm. Ban lãnh đạo Công ty đã có những chính sách và định hướng phát triển phù hợp, để có thể tận dụng được các cơ hội mà vĩ mô mang lại, cắt giảm được đáng kể lượng chi phí hoạt động, nâng cao biên lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Trong năm, mặc dù bối cảnh kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng với đường lối và chính sách kinh doanh phù hợp, VFC vẫn ghi nhận các sự tiến bộ nhất định so với năm 2022. Theo đó, VFC đã thành công đẩy mạnh mạng lưới hoạt động kinh doanh, gia tăng doanh thu và lợi nhuận. VFC cũng đã cắt giảm được đáng kể các loại chi phí hoạt động, từ đó nâng cao khả năng sinh lời. Cụ thể, Công ty đã cắt giảm được 9,15% chi phí bán hàng, các loại chi phí khác giảm 10,06% so với năm 2022. Ngoài hoạt động kinh doanh, thì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và xã hội của VFC cũng được ghi nhận khi công ty đã đẩy mạnh sự hỗ trợ, giúp đỡ người nông dân Việt Nam để đối mặt với các áp lực của sự gia tăng giá cả hàng hóa trong năm. Từ đó, quá trình canh tác của nông dân diễn ra hiệu quả hơn, đem đến nhiều giá trị hơn cho xã hội, cộng đồng và sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH 2023/ TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	2.387.284	86,61%	2.572.763	87,34%	107,77%
Tài sản dài hạn	369.187	13,39%	372.845	12,66%	100,99%
Tổng tài sản	**2.756.471**	**100,00%**	**2.945.608**	**100,00%**	**106,86%**

Nhìn chung, cơ cấu tài sản trong năm của VFC không thay đổi nhiều so với năm 2022. Tổng tài sản của Công ty đạt 2.945.608 triệu đồng tăng 7,77% so với năm 2022, tỷ trọng tài sản ngắn hạn của Công ty có sự tăng nhẹ 0,73% đạt 87,34%. Nguyên nhân của hai sự gia tăng này xuất phát từ sự gia tăng của khoản tài sản ngắn hạn, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 2.572.763 triệu đồng tăng 7,77%, tương đương tăng 185.479 triệu đồng. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng 96,57%, tương đương tăng 578.598 triệu đồng. Năm 2023, Công ty hoạt động hiệu quả vượt các kế hoạch về lợi nhuận đem về nguồn tiền lớn. Nguồn tiền này sau khi được sử dụng để chia cổ tức cho cổ đông thì phần còn lại được Công ty sử dụng để tái đầu tư cho hoạt động kinh doanh và phòng ngừa các rủi ro, từ đó làm tăng Tổng tài sản của Công ty.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH 2023/ TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	1.614.863	99,86%	1.697.987	99,88%	105,15%
Nợ dài hạn	2.311	0,14%	1.993	0,12%	86,26%
Tổng Nợ phải trả	**1.616.141**	**100,00%**	**1.699.980**	**100,00%**	**105,12%**

Tổng Nợ phải trả cuối năm 2023 của VFC đạt 1.699.980 triệu đồng, tăng nhẹ 5,15% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Nợ ngắn hạn đạt 1.697.987 triệu đồng, chiếm 99,88% cơ cấu nợ. Nợ dài hạn Công ty đạt 1.993 triệu đồng, chiếm 0,12% tỷ trọng Tổng nợ. Trong đó, khoản vay ngắn hạn của Công ty đạt 373.737 triệu đồng, tăng 104,89% so với năm 2022.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, VFC tiến hành rà soát và đánh giá hiện trạng của các phòng ban. Từ đó, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban. Để nâng cao năng lực quản trị, Ban lãnh đạo kiểm soát thông qua báo cáo và hệ thống KPI, điều chỉnh chính sách phù hợp và kịp thời để cắt giảm chi phí không hiệu quả, cũng như tăng cường năng suất làm việc của các bộ phận và phòng ban. Nhờ vào đó, mà trong năm Công ty đã cắt giảm được đáng kể lượng chi phí hoạt động và nâng cao được khả năng sinh lời.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	TH 2023	KH 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.557.308	3.690.000
2	Lợi nhuận trước thuế	375.733	379.000
3	Lợi nhuận sau thuế	295.577	300.000

Kế hoạch đầu tư 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Dự kiến ngân sách đầu tư 2024
1	Thay mới số phương tiện vận tải	10.000
2	Đầu tư phát triển sản phẩm	10.000
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả	1.000
4	Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị Nhà máy Long An	5.000
5	Đầu tư nâng cấp văn phòng VFC, Chi nhánh, Điểm kinh doanh	3.000
6	Xây dựng Văn phòng điểm kinh doanh Sông Tiền Cụ thể là: Hoàn thiện nội thất và trang bị làm việc	1.000
7	Đầu tư mặt bằng sân bãi nhà máy Long An	5.000
8	Đầu tư trại thí nghiệm Khu vực Đồng Tháp, Long An	10.000
	Tổng ngân sách dự kiến đầu tư	**45.000**

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính của VFC là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có giải trình gì thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nông dược và giống cây trồng, một ngành có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu thụ. Công ty chú trọng vào việc xử lý rác thải và tối ưu hóa quy trình sản xuất tại các nhà máy. Mục tiêu chính là đảm bảo môi trường trong và ngoài các nhà máy luôn an toàn, sạch sẽ và giảm tối đa các phát thải khí nhà kính. VFC cam kết thực hiện các biện pháp chủ động để giảm lượng chất thải, tiết kiệm nguồn năng lượng và nước tiêu thụ.

Ngoài ra, để tăng cường nhận thức về bảo vệ môi trường, Công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, thảo luận và đề xuất biện pháp cải thiện chất lượng xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng và nước tiêu thụ cũng như giảm phát thải khí nhà kính. Tại khu vực văn phòng, Công ty cũng đã tổ chức việc phân loại chất thải để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ phía nhân viên, đồng thời đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc. Ban lãnh đạo Công ty hy vọng rằng những nỗ lực này sẽ đóng góp tích cực vào việc duy trì một môi trường làm việc và sản xuất bền vững.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp, hợp tác chặt chẽ với công đoàn, đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Công ty luôn tập trung chăm sóc đời sống tinh thần và vật chất cho nhân viên, xây dựng mối quan hệ bền vững và hài hòa trong Công ty. Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các chế độ, thực hiện việc chi trả lương, thưởng theo đúng quy định. Đồng thời, Công ty thực hiện tổ chức định kỳ các hoạt động kiểm tra sức khỏe nhằm đảm bảo tình trạng sức khỏe của người lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tập trung vào việc thực hiện các chính sách hỗ trợ địa phương, bao gồm việc thăm hỏi gia đình khó khăn, cung cấp hỗ trợ tài chính cho học sinh nghèo có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi tại địa phương và thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện. Những hoạt động này nhằm mục đích giúp đỡ cộng đồng, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững. Ngoài ra, trong năm, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn, đồng hành và hỗ trợ canh tác cho người nông dân Việt Nam, giúp người nông dân Việt Nam vượt qua các khó khăn trong giai đoạn giá cả hàng hóa đang giữ ở mức cao.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

“Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty”

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2023, do ảnh hưởng của bối cảnh chung mà hoạt động kinh doanh của Công ty đã gặp khá nhiều các khó khăn. Mặc dù vậy, các mục tiêu về lợi nhuận của Công ty vẫn được hoàn thành với kết quả tốt hơn kỳ vọng và kế hoạch đã được đặt ra. Do đó, Hội đồng quản trị vẫn đánh giá cao sự cố gắng của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ nhân viên trong Công ty trong việc nổ lực thực hiện các mục tiêu đã đề ra.
- Bên cạnh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, thì các vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội cũng được Công ty vô cùng chú trọng. Trong năm, Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của chính phủ, thực hiện đầy đủ các cam kết và trách nhiệm với Cộng đồng và xã hội. Ngoài ra, công ty cũng luôn tích cực tìm kiếm các giải pháp để giảm thiểu các tác động đến môi trường, tối đa hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài nguyên như điện, nước, xăng, dầu, … VFC hiểu được sự quan trọng của khách hàng, cụ thể là người nông dân Việt Nam đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó, từ khi hoạt động đến nay Công ty vẫn luôn chú trọng đến việc hỗ trợ và đồng hành cùng người nông dân. Các chương trình khuyến mãi, các buổi tư vấn và hội thảo về cây trồng thường xuyên được diễn ra để giúp người nông dân nâng cao hiệu quả sản suất và chất lượng cuộc sống.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã luôn chú trọng theo dõi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các vai trò và nhiệm vụ được đề ra. Theo đó, các đánh giá mà HĐQT dành cho ban Tổng giám đốc trong năm là:

- Các thành viên trong Ban điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty.
- Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- Hàng quý, Ban Điều hành tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, kiểm điểm các công việc chưa thực hiện, đề xuất phương án hoàn thiện hệ thống quản lý và giải pháp thực hiện nhằm triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh do Hội đồng Quản trị đề ra.
- Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định.
- Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

DOANH THU

3.690 tỷ đồng

LỢI NHUẬN

300 tỷ đồng

ĐẦU TƯ

45 tỷ đồng

Năm 2023 ngành nông nghiệp Việt Nam gặp được nhiều cơ hội phát triển, giúp hoạt động kinh doanh của VFC trở nên thuận lợi hơn. Theo đó, Doanh thu thuần của Công ty là 3.262.420 triệu đồng, tăng 9,60%, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 295.577 triệu đồng tăng 28,98% so với năm 2022.

Trên cơ sở dự báo thị trường, với thực trạng nguồn nhân lực, khả năng tài chính, năng lực máy móc, thiết bị hiện có, nguồn cung và đối tác khách hàng hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

» Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 3.690.00 triệu đồng tăng 3,73% so với thực hiện năm 2023;

» Lợi nhuận trước thuế là 379.000 tăng 0,87% so với thực hiện năm 2023;

» Lợi nhuận sau thuế là 300.000 tăng 1,5% so với thực hiện năm 2023.

Hội đồng quản trị công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

» **Tăng cường quản lý rủi ro và ứng phó linh hoạt:**

Tiếp tục phát triển và cải thiện hệ thống quản lý rủi ro để ứng phó linh hoạt với biến động giá nguyên liệu và tỷ giá, cũng như các thách thức về môi trường kinh doanh quốc tế và trong nước.

Tăng cường giám sát các biến động kinh tế, chính trị toàn cầu có thể ảnh hưởng đến chi phí và chuỗi cung ứng.

» **Nâng cao hiệu suất và tối ưu hóa chi phí:**

Khuyến khích sáng kiến cải tiến quy trình làm việc và tối ưu hóa chi phí thông qua công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tập trung vào việc cải thiện hiệu quả sản xuất và dịch vụ, giảm thiểu lãng phí và tối ưu hóa lợi nhuận.

»

» **Phát triển và duy trì mối quan hệ với đối tác và khách hàng:**

Tiếp tục xây dựng và củng cố mối quan hệ với các đối tác chiến lược và khách hàng thông qua chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chính sách hỗ trợ tốt.

Mở rộng thị trường và phát triển các kênh phân phối mới, tăng cường hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu.

» **Tập trung vào sự phát triển của người lao động:**

Đẩy mạnh các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, nhất là đối với đội ngũ quản lý và lãnh đạo.

Tạo môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự sáng tạo, gắn kết nhân viên với mục tiêu và giá trị cốt lõi của công ty.

» **Tiếp tục tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quản trị:**

Đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và chuẩn mực quản trị công ty, bao gồm cả việc công bố thông tin minh bạch và đầy đủ.

Tăng cường vai trò giám sát và đánh giá của HĐQT đối với các hoạt động của Ban điều hành và Ban kiểm soát.

» **Tăng cường nghiên cứu và phát triển:**

Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) để cải tiến sản phẩm và dịch vụ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ xanh và bền vững.

Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, đại học và doanh nghiệp khác để khai thác công nghệ mới và giải pháp sáng tạo.

Bằng cách này, HĐQT sẽ không chỉ định hình được chiến lược ứng phó với những thách thức hiện tại và tương lai mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững và tăng trưởng cho công ty trong năm 2024 và những năm tiếp theo. Với sự thực hiện nhất quán và quyết đoán các định hướng này, HĐQT VFC có thể không chỉ củng cố vị thế của công ty trên thị trường mà còn tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ, bền vững trong dài hạn. Mục tiêu chung là đảm bảo công ty không những vượt qua được các thách thức ngắn hạn mà còn nắm bắt được cơ hội để tăng trưởng và mở rộng trong tương lai, qua đó đem lại giá trị lớn nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 71

Ban Kiểm soát 79

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát 85

5

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	565.068	1,35%
2	Ông Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	779.751	1,87%
3	Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ phụ trách tài chính, người được ủy quyền CBTT	33.995	0,08%
4	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	14.069	0,03%

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà: NGUYỄN BẠCH TUYẾT - *Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 565.068 cổ phần chiếm 1,35% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Yến

Ông: TRƯƠNG CÔNG CỨ - *Thành viên HĐQT kiêm TGĐ*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 779.751 cổ phần chiếm 1,87% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Ông: TRẦN VĂN DŨNG - *Thành viên HĐQT, Phó TGĐ phụ trách tài chính, người được ủy quyền CBTT*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 33.995 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Bà: NGUYỄN VŨ THÙY HƯƠNG - *Thành viên HĐQT*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 0 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Ông: NGUYỄN THANH TÙNG - *Thành viên HĐQT độc lập*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 0 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Ông: MAI TUẤN ANH - *Thành viên HĐQT độc lập*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 14.069 Cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

» **Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không sở hữu chức danh tại Công ty khác.

» **Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2023

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ban Kiểm Toán Nội bộ: HĐQT thành lập Ban Kiểm Toán Nội bộ (KTNB)

Ban KTNB thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế quản trị Công ty, Quy chế Kiểm toán nội bộ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.
- HĐQT luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Chỉ đạo Tổng Giám Đốc lập kế hoạch kinh doanh 2023 để HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023.
- Chỉ đạo triển khai và giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 theo kế hoạch đã được HĐQT thông qua.
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc lập các Báo cáo tài chính trong kỳ
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành đã thực hiện theo quy định của Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty.
- HĐQT đánh giá: Tổng Giám Đốc đã điều hành các hoạt động của Công Ty tuân thủ các Quy chế nội bộ hiện hành, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp trực tiếp kết hợp trực tuyến. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	07/07	100%	-
2	Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	07/07	100%	-
3	Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	07/07	100%	-
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	07/07	100%	-
5	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT độc lập	07/07	100%	-
6	Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	07/07	100%	-

Trong năm, HĐQT đã đưa các quyết định, nghị quyết

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết Định	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	16/01/2023	Báo cáo tài chính quý 04/2022 và kết quả kinh doanh trong năm 2022. Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 với tỷ lệ 10%. Kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2023.
2	02/QĐ/VFC-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết thông qua: Giao dịch năm 2023 của Công Ty với người có liên quan.
3	07/QĐ/VFC-HĐQT	2/3/2023	Nghị quyết thông qua: Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách tham dự ĐHCĐTN năm 2023.
4	09/2023/NQ-HĐQT	30/03/2023	Nghị quyết thông qua các nội dung: Dự thảo Báo cáo của Hội đồng quản trị 2022; Và tổng kết nhiệm kỳ 2018-2022 Dự thảo Báo cáo Tài chính năm 2022 đã kiểm toán; Dự thảo báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và tổng kết nhiệm kỳ 2018-2022 Dự thảo Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 Dự thảo Tờ trình Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2023; Dự thảo Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban kiểm soát năm 2023 Dự thảo Tờ trình bổ sung mã ngành nghề kinh doanh Dự thảo về Hạn mức tín dụng với các Ngân hàng Dự thảo Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023; Dự thảo Quy chế làm việc ĐHCĐTN 2023; Dự thảo Quy chế bầu cử TV HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2023-2027; Danh sách đề cử TV HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2023-2027.
5	11/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	Nghị quyết thông qua: Báo cáo Tài chính Quý 1/2023.
6	12/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Nghị quyết nhất trí tái bổ nhiệm: Các chức danh quản lý và điều hành Công ty nhiệm kỳ 2023-2027: Tái bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023 -2027 đối với Bà Nguyễn Bạch Tuyết. Tái bổ nhiệm đối với các chức vụ trong Ban điều hành nhiệm kỳ 2023-2027 gồm: Ông Trương Công Cử - Tổng Giám đốc Công ty. Ông Trần Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách TCKT. Bà Nguyễn Bạch Tuyết - Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách ngành ND & GCT. Ông Đào Xuân Trọng - Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách ngành Khử trùng & PCO. Tái bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2027 đối với Bà Phạm Thị Ngọc Phương.

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết Định	Ngày	Nội dung
6	12/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Tái bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2027 đối với Ông Nguyễn Văn Kiên. Tái bổ nhiệm chức danh Trưởng ban Kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2023 - 2027 đối với Ông Nguyễn Thanh Tùng.
7	13/2023/QĐ-HĐQT	27/04/2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Ông Trương Công Cử đảm nhận chức vụ Tổng Giám Đốc
8	14/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Ông Đào Xuân Trọng đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám Đốc
9	15/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Bà Nguyễn Bạch Tuyết đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám Đốc.
10	16/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Ông Trần Văn Dũng đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám Đốc.
11	17/2023/NQ-HĐQT	27/04/2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Bà Phạm Thị Ngọc Phương đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng
12	18/2023/NQ-HĐQT	27/4 / 2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Ông Nguyễn Thanh Tùng đảm nhận chức vụ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
13	19/2023/NQ-HĐQT	27/4 / 2023	Quyết định tái Bổ nhiệm: Ông Nguyễn Văn Kiên là người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty
14	21/2023/NQ-HĐQT	8/5/2023	Nghị quyết thông qua: Thưởng CP Công Đoàn Công Ty quản lý cho người lao động
15	23/2023/NQ-HĐQT	8/5/2023	Nghị quyết thông qua: Chi trả cổ tức Đợt cuối năm 2022
16	26/2023/NQ-HĐQT	18/07/2023	Nghị quyết thông qua: Báo cáo Tài chính Quý 2/2023 và Kết quả Kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023. Chi tạm ứng cổ tức Đợt 1 năm 2023 là 10% bằng tiền mặt.
17	31/2023/NQ-HĐQT	7/8/2023	Nghị quyết thông qua: Tờ trình về hạn mức tín dụng các Ngân hàng năm 2023.
18	35/2023/NQ-HĐQT	17/10/2023	Nghị quyết thông qua: Báo cáo Tài chính Quý 3/2023. Tờ trình số 522/2023/HMTD về việc bổ sung hạn mức tín dụng các Ngân hàng.
19	38/2023/NQ-HĐQT	7/12/2023	Nghị quyết thông qua: Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
20	43/2023/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết thông qua: Thống nhất trình các tài liệu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc sửa bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Hoạt động giám sát của Thành viên HĐQT độc lập đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông
   - + Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ Công ty và thực hiện các Nghị quyết đã được phê duyệt của HĐQT, Tổng giám đốc và các cấp quản lý.
   - + Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty, thẩm tra các Báo cáo tài chính trong kỳ.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong năm 2023, các Thành viên HĐQT độc lập phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của Thành viên HĐQT độc lập từ phía HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác của Công ty, được cung cấp đầy đủ các thông tin theo yêu cầu liên quan đến tình hình quản trị, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT của VFC mặc dù chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, với kiến thức và kinh nghiệm đã trải qua, các thành viên HĐQT vẫn có đủ năng lực và khả năng để phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ	Ngày bắt đầu/ Không còn TVBKS
1	Ông Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023
3	Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông: VÕ VĂN QUỐC - *Trưởng Ban kiểm soát*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0 cổ phần.**

Ông: NGUYỄN ANH TUẤN - *Thành viên Ban kiểm soát*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: Ông Nguyễn Anh Tuấn là đại diện vốn của Công ty CP PAN FARM (cổ đông lớn). Số lượng cổ phần đại diện là 21.379.191 cổ phần, chiếm 51,25% VĐL Công ty.**

Bà: PHAN THỊ BÍCH LAN - *Thành viên Ban kiểm soát*

» **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0 cổ phần**

Danh sách thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2023

Không có

BAN KIỂM SOÁT (tt)

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

01 Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ Công ty.

02 Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính trong kỳ.

03 Thẩm tra các Báo cáo tài chính trong kỳ.

04 Đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ thống quản trị nội bộ.

04 Thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

01 Trong hoạt động năm 2023, BKS được HĐQT và Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để tham gia và chủ động cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, các BCTC quý, năm;

02 BKS cùng HĐQT và Ban Điều hành Công ty thực hiện sự phối hợp nhiệm vụ, chia sẻ, nắm bắt kịp thời thông tin liên quan đến tình hình và hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các phòng Ban chức năng và tham gia xem xét các vấn đề trong quá trình hoạt động và qua đó BKS đóng góp ý kiến, tham vấn cho HĐQT và Ban Điều hành;

02 BKS cũng phối hợp với thành viên HĐQT, Ban Điều hành nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình, BKS phụ trách giám sát màng tài chính kế toán công ty, đã tổ chức làm việc với Ban Điều Hành và phòng Tài chính kế toán công ty về chi tiết các vấn đề liên quan đến tổ chức Hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính quan trọng.

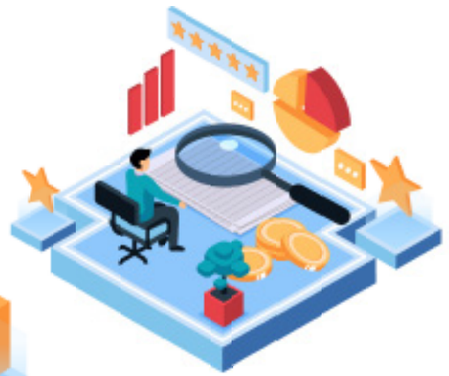

BAN KIỂM SOÁT (tt)

các cuộc họp Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	4/4	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp BKS

Ban kiểm soát đã tổ chức 4 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2023/BB	16/01/2023	Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính Quý 04/2022 và cả năm 2022
2	02/2023/BB	18/04/2023	Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính Quý 01/2023
3	03/2023/BB	18/07/2023	Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính Quý 02/2023
4	04/2023/BB	17/10/2023	Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính Quý 03/2023

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Chức vụ	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	6.982.993.603
2	Ông Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	7.081.431.944
3	Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	5.630.363.854
4	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	489.106.583
5	Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT độc lập	489.106.583
6	Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	489.106.583
7	Ông Đào Xuân Trọng	Phó TGĐ	2.697.610.734
8	Ông Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	263.000.000
9	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	132.000.000
10	Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	132.000.000
	TỔNG CỘNG		**24.386.719.884**

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công Ty Cổ Phần PAN FARM	Nguyễn Anh Tuấn	21.379.191	51,25%	21.379.191	51,25%	Trở thành công ty mẹ của VFG ngày 11/06/2022
2	Công Đoàn Cơ Sở Công Ty CP Khử Trùng Việt Nam	Công đoàn Công ty	17.420	0,04%	0	0,00%	Chuyển quyền sở hữu cho Người lao động

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Các giao dịch của Công ty và người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với Cổ đông lớn; người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đã được HĐQT Công ty thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 16/01/2023. Các giao dịch thực hiện trong kỳ bao gồm:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn PAN - Công ty Phân phối hàng tiêu dùng PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/08/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	Lô A1-19 Đường VL3 KCN Vĩnh Lộc 2, Long Hiệp, Bến Lức, Long An	2023	VFG Chi trả phí dịch vụ, mua hàng hóa	1.979,09
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Tổ chức có liên quan	4103001067- Cấp ngày 24/06/2002- Tại Sở KH & ĐT TP HCM	282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	393,97
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm An Khang	Tổ chức có liên quan	2200780985 Cấp ngày 19/08/2020 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Sóc Trăng	Lô B, KCN An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	23,10
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Tổ chức có liên quan	1300376365 Cấp ngày 25/12/2003 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Bến Tre	Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	4,56
5	Công ty Cổ phần BIBICA	Tổ chức có liên quan	3600363970 Cấp ngày 05/07/2008 Tại Sở KH & ĐT Tp.HCM	443 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình Tp.HCM	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	302,28
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	Tổ chức có liên quan	0101449271 Cấp ngày 6/2/2004 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Số 1, Lương Định Của, Đống Đa, Hà Nội	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	602,12
7	Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	Tổ chức có liên quan	1100107301 ngày 01/01/2000 Tại Sở KH & ĐT Long An	Số 81 B Quốc Lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Long An	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	391,53

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (tt)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tt)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
8	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Tổ chức có liên quan	4200636551 Cấp ngày 02/03/2006 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	584 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	100,80
9	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Tổ chức có liên quan	0314681060 Cấp ngày 16/10/2017 Tại Sở KH & ĐT Tp. HCM	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	10,40
10	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Tổ chức có liên quan	4200636551 Cấp ngày 02/03/2006 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	584 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa	2023	VFG Chi trả phí dịch vụ mua hàng hóa	1,90

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ(tt)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
1	Công ty TNHH Hải Yến	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	4200586780 Cấp ngày 13/12/2004 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	50 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	162,40
2	Công ty TNHH Hải Yến	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	4200586780 Cấp ngày 13/12/2004 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	50 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa	2023	VFG Chi trả phí dịch vụ mua hàng hóa	1.555,5
3	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0101449271 Cấp ngày 6/2/2004 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Số 1, Lương Định Của, Đống Đa, Hà Nội	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	1.614,13
4	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0101449271 Cấp ngày 6/2/2004 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Số 1, Lương Định Của, Đống Đa, Hà Nội	2023	VFG Chi trả phí dịch vụ mua hàng hóa	679,80
5	Công ty Cổ phần Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0107519768 Cấp ngày 28/07/2016 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Tp. Hà Nội	2023	VFG Làm Dịch vụ PCO- Kiểm soát côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	2
6	Công ty Cổ phần Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0107519768 Cấp ngày 28/07/2016 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Tp. Hà Nội	2023	VFG Chi trả cổ tức đợt 2, Đợt cuối năm 2022 & Đợt 1 năm 2023	74.827,17
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/8/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, Long An	2023	VFG cho vay	450.000,00

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (tt)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ(tt)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/8/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, Long An	2023	VFG Nhận lãi vay	9.808,77
9	Bà Nguyễn Bạch tuyết	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	1.161,90
10	Ông Trương Công Cứ	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	1.232,55
11	Ông Trần Văn Dũng	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	1.033,90
12	Ông Trần Văn Dũng	Người nội bộ			2023	VFG trả tiền Vay cá nhân & Lãi vay	1.072,57
13	Ông Đào Xuân Trọng	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	272,25
14	Ông Nguyễn Văn Kiên	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	126,00
15	Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	293,85
16	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Người liên quan của Người nội bộ			2023	VFG Vay cá nhân	183,15

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty cam kết duy trì quản trị theo đúng các quy định pháp luật, điều lệ, quy chế nội bộ và tiêu chí để đảm bảo sự suôn sẻ trong hoạt động. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tối đa hóa lợi ích cho cả công ty và cổ đông, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động, khuyến khích tận dụng hiệu quả nhất các nguồn lực.

Công ty cũng tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc bằng cách đào tạo cán bộ theo các thông báo từ UBCKNN, các cơ quan liên quan, và các khóa học quản trị của công ty. Hành động này giúp Công ty tăng cường các quy tắc và kiểm soát minh bạch, những định hướng và tính liêm chính trong kinh doanh, từ đó, giúp gắn kết lợi ích của các cổ đông, giám đốc, ban quản lý và nhân viên.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, nhà máy được đặt tại tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam và tám (8) chi nhánh tại các tỉnh của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cử	Thành viên
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thủy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên độc lập
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Công Cử	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Bạch Tuyết.

Ông Trương Công Cử được Bà Nguyễn Bạch Tuyết ủy quyền để ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 20/2023/UQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0302327629 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Công Cử
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 66926409/12326084

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.572.762.883.973**	**2.387.283.735.919**
110	***I. Tiền***	***4***	***129.881.543.766***	***208.420.873.572***
111	1. Tiền		129.881.543.766	208.420.873.572
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***200.288.056.000***	***520.288.056.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	200.288.056.000	520.288.056.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.177.748.818.926***	***599.150.447.617***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	709.975.224.585	591.204.827.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.983.614.536	5.799.521.176
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	450.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	32.161.449.580	14.053.126.199
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(17.371.469.775)	(11.907.026.789)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***9***	***1.062.519.677.715***	***1.050.249.601.987***
141	1. Hàng tồn kho		1.078.980.860.967	1.074.685.031.364
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.461.183.252)	(24.435.429.377)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***2.324.787.566***	***9.174.756.743***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.321.800.821	2.239.600.372
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.986.745	6.935.156.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**372.844.764.962**	**369.187.040.200**
210	***I. Khoản phải thu dài hạn***		***1.848.754.720***	***1.108.639.149***
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.848.754.720	1.108.639.149
220	***II. Tài sản cố định***		***153.236.787.257***	***161.556.290.208***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	98.583.969.763	105.202.196.451
222	Nguyên giá		276.872.473.294	266.935.666.357
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(178.288.503.531)	(161.733.469.906)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	54.652.817.494	56.354.093.757
228	Nguyên giá		71.044.565.648	70.899.565.648
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.391.748.154)	(14.545.471.891)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***12***	***14.861.443.459***	***15.621.448.705***
231	1. Nguyên giá		27.647.980.011	27.647.980.011
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(12.786.536.552)	(12.026.531.306)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***2.879.505.600***	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.879.505.600	-
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***179.514.814.098***	***179.514.814.098***
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh		179.514.814.098	179.514.814.098
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***20.503.459.828***	***11.385.848.040***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	10.935.641.696	11.385.848.040
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	9.567.818.132	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.945.607.648.935**	**2.756.470.776.119**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.699.980.061.130**	**1.617.174.053.920**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.697.986.612.054***	***1.614.862.991.244***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	511.847.511.491	701.223.547.886
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.261.333.344	863.741.426
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	66.101.119.943	25.404.969.130
314	4. Phải trả người lao động		243.950.961.510	108.451.983.446
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	280.271.877.959	396.281.086.649
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		324.028.320	1.228.639.720
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	176.996.382.862	166.105.963.264
320	8. Vay ngắn hạn	19	373.737.397.248	182.407.561.586
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	41.495.999.377	32.895.498.137
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.993.449.076***	***2.311.062.676***
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.993.449.076	2.311.062.676
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		***1.245.627.587.805***	***1.139.296.722.199***
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21***	***1.245.627.587.805***	***1.139.296.722.199***
411	1. Vốn cổ phần		417.146.140.000	417.146.140.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*417.146.140.000*	*417.146.140.000*
415	2. Cổ phiếu quỹ		(20.000.000)	(20.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		203.462.343.942	203.462.343.942
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.061.904.659	20.188.402.492
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		604.977.199.204	498.519.835.765
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*391.225.293.525*	*330.178.098.937*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*213.751.905.679*	*168.341.736.828*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.945.607.648.935**	**2.756.470.776.119**

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng

Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22.1**	**3.557.307.559.071**	**3.250.924.265.573**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**22.1**	**(294.887.704.514)**	**(274.143.185.651)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22.1**	**3.262.419.854.557**	**2.976.781.079.922**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**23**	**(2.483.468.450.394)**	**(2.266.659.449.617)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**778.951.404.163**	**710.121.630.305**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**22.2**	**71.895.891.553**	**56.288.455.867**
22	**7. Chi phí tài chính**	**24**	**(39.297.352.423)**	**(37.619.557.680)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(15.143.833.635)*	*(9.626.305.429)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**25**	**(353.026.887.379)**	**(388.581.305.582)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**26**	**(81.595.742.730)**	**(54.535.187.552)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**376.927.313.184**	**285.674.035.358**
31	**11. Thu nhập khác**	**27**	**1.767.691.953**	**5.300.472.688**
32	**12. Chi phí khác**	**27**	**(2.962.400.676)**	**(3.293.578.343)**
40	**13. (Lỗ) lợi nhuận khác**	**27**	**(1.194.708.723)**	**2.006.894.345**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**375.732.604.461**	**287.680.929.703**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**29.1**	**(89.722.988.948)**	**(58.516.694.305)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**29.3**	**9.567.818.132**	**-**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**295.577.433.645**	**229.164.235.398**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**21.4**	**6.217**	**4.805**
71	**19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**21.4**	**6.217**	**4.805**

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng

Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**375.732.604.461**	**287.680.929.703**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	22.194.446.472	21.500.002.254
03	Hoàn nhập dự phòng		(2.509.803.139)	(34.152.041.831)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(455.520.007)	3.291.261.149
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.606.169.854)	(31.760.624.653)
06	Chi phí lãi vay	24	15.143.833.635	9.626.305.429
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**371.499.391.568**	**256.185.832.051**
09	Tăng các khoản phải thu		(116.789.664.322)	(368.250.911.287)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.295.829.603)	(416.183.763.850)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(145.364.259.260)	537.743.929.474
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		368.005.895	(7.732.895.464)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.707.760.764)	(7.295.542.193)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(66.226.421.072)	(58.980.305.303)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.798.129.052)	(18.491.997.700)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(7.314.666.610)**	**(83.005.654.272)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(15.994.443.875)	(16.866.197.191)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		885.416.369	3.604.319.090
23	Tiền chi tiền gửi và cho vay		(1.820.446.275.178)	(520.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi		1.690.446.275.178	-
26	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn đầu tư vào các công ty khác		-	1.720.305.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		26.789.337.868	27.690.686.347
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(118.319.689.638)**	**(503.850.886.754)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	954.799.797.941	839.773.620.117
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(763.469.962.279)	(657.366.058.531)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	21.2	(144.234.793.500)	(79.277.280.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**47.095.042.162**	**103.130.281.586**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(78.539.314.086)**	**(483.726.259.440)**
60	**Tiền đầu năm**		**208.420.873.572**	**692.146.001.851**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.720)	1.131.161
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**129.881.543.766**	**208.420.873.572**

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng

Trương Công Cử
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Nhà máy được đặt tại tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam và tám (8) chi nhánh tại các tỉnh của Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.390 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.394).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 7 năm
Tài sản khác	3 - 6 năm
Phần mềm	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ các hoạt động theo yêu cầu của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nếu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	662.965.339	556.137.520
Tiền gửi ngân hàng	129.218.578.427	207.864.736.052
TỔNG CỘNG	**129.881.543.766**	**208.420.873.572**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba (3) tháng đến dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,45%/năm đến 6,80%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	155.685.800	185.620.602
Phải thu từ các bên khác	709.819.538.785	591.019.206.429
TỔNG CỘNG	**709.975.224.585**	**591.204.827.031**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(15.780.725.763)	(10.161.282.777)
GIÁ TRỊ THUẦN	**694.194.498.822**	**581.043.544.254**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	10.161.282.777	16.105.912.773
Dự phòng trích lập trong năm	7.816.577.802	2.945.164.501
Sử dụng/hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.197.134.816)	(8.277.377.267)
Xóa sổ trong năm	-	(612.417.230)
Số cuối năm	15.780.725.763	10.161.282.777

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán	1.975.564.847	5.012.331.526
Công ty TNHH Liên doanh Khách Sạn Plaza	*516.332.670*	-
Công ty TNHH Lữ Hành Quốc Tế TTC	-	*2.100.000.000*
Công ty Cổ phần Công Nghệ Tam Phú	-	*850.000.000*
Các nhà cung cấp khác	*1.459.232.177*	*2.062.331.526*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	1.008.049.689	787.189.650
TỔNG CỘNG	**2.983.614.536**	**5.799.521.176**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	11.926.134.833	994.719.216
Phải thu chi hộ thuế thu nhập cá nhân	9.554.347.459	5.224.439.045
Tạm ứng cho nhân viên	4.592.233.930	1.935.196.133
Ký quỹ, ký cược	829.567.550	743.773.173
Khác	5.259.165.808	5.154.998.632
TỔNG CỘNG	**32.161.449.580**	**14.053.126.199**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.590.744.012)	(1.745.744.012)
GIÁ TRỊ THUẦN	**30.570.705.568**	**12.307.382.187**
Trong đó:		
Phải thu khác từ các bên khác	*16.780.675.092*	*11.200.355.948*
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*13.790.030.476*	*1.107.026.239*

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn và phải thu khác khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	1.745.744.012	720.743.695
Dự phòng trích lập trong năm	-	1.025.000.317
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(155.000.000)	-
Số cuối năm	1.590.744.012	1.745.744.012

8. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Nợ gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	18.603.747.043	(5.581.124.113)	13.022.622.930	4.165.601.212	(1.249.680.364)	2.915.920.848
Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.804.840.692	(1.402.420.346)	1.402.420.346	3.500.396.066	(1.750.198.036)	1.750.198.030
Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	810.049.043	(567.034.330)	243.014.713	5.879.340.002	(4.115.538.004)	1.763.801.998
Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên	9.820.890.986	(9.820.890.986)	-	4.791.610.385	(4.791.610.385)	-
TỔNG CỘNG	**32.039.527.764**	**(17.371.469.775)**	**14.668.057.989**	**18.336.947.665**	**(11.907.026.789)**	**6.429.920.876**

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng hóa	651.176.441.037	(4.200.125.259)	671.301.067.844	(5.993.762.124)
Nguyên vật liệu	364.037.921.792	(4.672.542.612)	302.575.411.985	(7.324.689.521)
Thành phẩm	47.961.659.101	(7.588.515.381)	76.111.425.344	(11.116.977.732)
Hàng mua đang đi đường	4.618.492.560	-	11.752.135.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.258.347.317	-	9.082.598.620	-
Công cụ, dụng cụ	2.927.999.160	-	3.862.392.371	-
TỔNG CỘNG	**1.078.980.860.967**	**(16.461.183.252)**	**1.074.685.031.364**	**(24.435.429.377)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	24.435.429.377	53.298.886.529
Dự phòng trích lập trong năm	4.914.153.950	9.308.802.520
Sử dụng/ hoàn nhập dự phòng trong năm	(12.888.400.075)	(38.172.259.672)
Số cuối năm	16.461.183.252	24.435.429.377

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện vận tải*	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	141.172.042.692	29.431.968.994	4.320.935.381	87.090.916.116	4.919.803.174	266.935.666.357
Mua mới	-	192.700.000	1.060.711.000	11.716.527.275	-	12.969.938.275
Thanh lý, xóa sổ	-	(253.897.000)	(138.330.080)	(2.640.904.258)	-	(3.033.131.338)
Số cuối năm	141.172.042.692	29.370.771.994	5.243.316.301	96.166.539.133	4.919.803.174	276.872.473.294
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*24.448.253.720*	*14.462.595.211*	*3.935.689.935*	*55.652.658.944*	*3.564.473.174*	*102.063.870.984*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	65.757.532.043	20.610.492.104	4.114.224.395	67.304.932.331	3.946.289.033	161.733.469.906
Khấu hao trong năm	8.841.883.833	3.522.962.089	363.743.007	6.255.543.834	604.032.200	19.588.164.963
Thanh lý, xóa sổ	-	(253.897.000)	(138.330.080)	(2.640.904.258)	-	(3.033.131.338)
Số cuối năm	74.599.415.876	23.879.557.193	4.339.637.322	70.919.571.907	4.550.321.233	178.288.503.531
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	75.414.510.649	8.821.476.890	206.710.986	19.785.983.785	973.514.141	105.202.196.451
Số cuối năm	66.572.626.816	5.491.214.801	903.678.979	25.246.967.226	369.481.941	98.583.969.763

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	65.750.630.035	5.148.935.613	70.899.565.648
Mua mới	-	145.000.000	145.000.000
Số cuối năm	65.750.630.035	5.293.935.613	71.044.565.648
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	*395.656.844*	*3.896.968.613*	*4.292.625.457*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	10.303.737.564	4.241.734.327	14.545.471.891
Hao mòn trong năm	1.375.634.202	470.642.061	1.846.276.263
Số cuối năm	11.679.371.766	4.712.376.388	16.391.748.154
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	55.446.892.471	907.201.286	56.354.093.757
Số cuối năm	54.071.258.270	581.559.224	54.652.817.494

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Quyền sử dụng đất	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	8.092.241.500	19.555.738.511	27.647.980.011
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	12.026.531.306	12.026.531.306
Hao mòn trong năm	-	760.005.246	760.005.246
Số cuối năm	-	12.786.536.552	12.786.536.552
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	8.092.241.500	7.529.207.205	15.621.448.705
Số cuối năm	8.092.241.500	6.769.201.959	14.861.443.459

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của quyền sử dụng đất, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị thực tế của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	12.917.483.123	12.189.217.220
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	760.005.246	760.005.250

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**2.321.800.821**	**2.239.600.372**
Công cụ, dụng cụ	1.069.806.216	832.592.255
Chi phí sửa chữa và bảo trì	553.395.471	725.312.883
Phí bảo hiểm	520.398.680	487.210.990
Thuê văn phòng	178.200.454	194.484.244
Dài hạn	**10.935.641.696**	**11.385.848.040**
Chi phí cải tạo văn phòng	5.196.002.389	6.255.933.148
Công cụ, dụng cụ	4.600.912.065	4.627.668.188
Khác	1.138.727.242	502.246.704
TỔNG CỘNG	**13.257.442.517**	**13.625.448.412**

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một công ty liên doanh như sau:

Tên công ty liên doanh	*Tỷ lệ sở hữu*		*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị còn lại*
	%		*VND*	*VND*	*VND*
Công ty TNHH Hải Yến	*(*)*		179.514.814.098	-	179.514.814.098

(*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp III ("Centrimex") để thành lập Công ty TNHH Hải Yến ("Hải Yến") có trụ sở chính đăng ký tại số 50, Đường Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngày 9 tháng 10 năm 2007, Centrimex được sáp nhập vào Công ty Thực phẩm Đầu tư Công nghệ ("Fococev"). Sau ngày sáp nhập, Fococev không đồng ý với tỷ lệ lợi ích của các bên đối tác liên doanh trong Hải Yến. Theo đó, Công ty đã khởi kiện Fococev ra Tòa án Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa ("Tòa án") để giải quyết tranh chấp này. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, việc tranh chấp này vẫn đang trong quá trình xử lý và Tòa án chưa đưa ra phán quyết sau cùng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	328.126.782.218	521.677.675.916
Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam	107.399.044.562	25.329.894.532
Khác	76.321.684.711	154.215.977.438
TỔNG CỘNG	**511.847.511.491**	**701.223.547.886**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	403.486.475	232.476.156.310	(220.429.791.535)	12.449.851.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.288.780.661	89.722.988.948	(66.226.421.072)	41.785.348.537
Thuế thu nhập cá nhân	5.624.552.210	18.714.330.867	(14.461.701.483)	9.877.281.594
Khác	1.088.049.784	14.120.123.348	(13.219.534.570)	1.988.638.562
TỔNG CỘNG	**25.404.969.130**	**355.033.599.473**	**(314.337.448.660)**	**66.101.119.943**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chiết khấu bán hàng	272.323.168.811	388.157.507.006
Hoa hồng môi giới	6.181.873.041	5.792.816.407
Chi phí lãi vay	1.766.836.107	2.330.763.236
TỔNG CỘNG	**280.271.877.959**	**396.281.086.649**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**176.996.382.862**	**166.105.963.264**
Mượn tiền *(*)*	116.500.000.000	116.500.000.000
Phải trả nhân viên *(**)*	34.784.900.000	34.784.900.000
Mượn tiền của nhân viên	9.797.400.000	-
Thù lao HĐQT	8.074.107.319	3.105.948.910
Cổ tức phải trả	5.239.403.500	3.480.048.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chi phí Công đoàn	806.796.906	508.370.167
Khác	1.793.775.137	7.726.696.187
Dài hạn	**1.993.449.076**	**2.311.062.676**
Nhận đặt cọc	1.993.449.076	2.311.062.676
TỔNG CỘNG	**178.989.831.938**	**168.417.025.940**
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*118.894.450.000*	*116.500.000.000*
Phải trả các bên khác	*60.095.381.938*	*51.917.025.940*

(*) Đây là khoản tiền tạm thu hồi vốn hoạt động kinh doanh từ Hải Yến.

(**) Đây là khoản tiền nhận huy động không lãi suất từ các cán bộ công nhân viên để góp vốn vào Hải Yến.

19. VAY

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	182.407.561.586	954.799.797.941	(763.469.962.279)	373.737.397.248

Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*
	VND		*(%)*
Ngân hàng TNHH HSBC (Vietnam)	203.682.831.048	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2024 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	3,5 - 4,5
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Việt Nam	90.000.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2024	3,9
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	80.054.566.200	Ngày 1 tháng 3 năm 2024	3,5
TỔNG CỘNG	**373.737.397.248**		

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	32.895.498.137	30.536.798.220
Tăng trong năm	36.259.125.218	26.588.690.681
Giảm trong năm	(27.658.623.978)	(24.229.990.764)
Số cuối năm	41.495.999.377	32.895.498.137

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	320.888.640.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.756.254.252	473.860.595.799	1.018.947.833.993
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	229.164.235.398	229.164.235.398
Cổ tức bằng cổ phiếu	96.257.500.000	-	-	-	(96.257.500.000)	-
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(80.217.160.000)	(80.217.160.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(28.030.335.432)	(28.030.335.432)
Khác	-	-	-	(567.851.760)	-	(567.851.760)
Số cuối năm	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.188.402.492	498.519.835.765	1.139.296.722.199
Năm nay						
Số đầu năm	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.188.402.492	498.519.835.765	1.139.296.722.199
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	295.577.433.645	295.577.433.645
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(145.994.149.000)	(145.994.149.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(36.259.125.218)	(36.259.125.218)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(3.853.788.748)	(3.853.788.748)
Trích quỹ khác	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Khác	-	-	-	(3.126.497.833)	(13.007.240)	(3.139.505.073)
Số cuối năm	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.061.904.659	604.977.199.204	1.245.627.587.805

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2023, HĐQT đã thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 41.712.614.000 VND.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26 tháng 4 năm 2023, và Nghị quyết HĐQT số 23/2023/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2023 và số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2023, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2022 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 62.568.921.000 VND và chi trả cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 41.712.614.000 VND.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 *Các giao dịch về vốn với cổ đông*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	417.146.140.000	320.888.640.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	96.257.500.000
Số cuối năm	417.146.140.000	417.146.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức đã công bố	145.994.149.000	80.217.160.000
Cổ tức đã trả trong năm	144.234.793.500	79.277.280.000

21.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	*41.714.614*	*41.714.614*
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*41.714.614*	*41.714.614*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(2.000)*	*(2.000)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*41.712.614*	*41.712.614*

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4 *Lãi trên cổ phiếu*

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	295.577.433.645	229.164.235.398
Điều chỉnh giảm do trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối *(*)*	(36.259.125.218)	(28.722.627.330)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	259.318.308.427	200.441.608.088
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(cổ phiếu)*	41.712.614	41.712.614
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*6.217*	*4.805*
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*6.217*	*4.805*

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4 *Lãi trên cổ phiếu* (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính năm 2022 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 được tạm điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo quy chế khen thưởng của Hội đồng Quản trị.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính này.

22. DOANH THU

22.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**3.557.307.559.071**	**3.250.924.265.573**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	*3.039.229.857.319*	*2.753.512.480.680*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*505.160.218.629*	*485.222.567.673*
Doanh thu dịch vụ cho thuê	*12.917.483.123*	*12.189.217.220*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(294.887.704.514)**	**(274.143.185.651)**
Hàng bán bị trả lại	*(5.420.631.600)*	-
Chiết khấu thương mại	*(289.467.072.914)*	*(274.143.185.651)*
DOANH THU THUẦN	**3.262.419.854.557**	**2.976.781.079.922**
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	*2.744.342.152.805*	*2.479.369.295.029*
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	*505.150.218.629*	*485.222.567.673*
Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê	*12.917.483.123*	*12.189.217.220*

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	37.721.084.073	28.565.778.903
Lãi chậm thanh toán	21.104.049.626	7.892.045.177
Chiết khấu thanh toán nhận được	11.131.679.737	14.106.325.134
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.939.078.117	5.602.756.653
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	121.550.000
TỔNG CỘNG	**71.895.891.553**	**56.288.455.867**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa	2.154.973.145.606	1.986.236.928.812
Giá vốn dịch vụ cung cấp	335.709.545.667	308.525.972.707
Giá vốn dịch vụ cho thuê	760.005.246	760.005.250
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.974.246.125)	(28.863.457.152)
TỔNG CỘNG	**2.483.468.450.394**	**2.266.659.449.617**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chiết khấu thanh toán	22.173.048.500	23.172.496.000
Chi phí lãi vay	15.143.833.635	9.626.305.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.941.805.261	4.657.232.876
Khác	38.665.027	163.523.375
TỔNG CỘNG	**39.297.352.423**	**37.619.557.680**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên và hoa hồng	270.404.071.049	269.527.392.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.681.505.943	108.420.130.043
Chi phí khấu hao	5.528.765.057	5.365.966.520
Chi phí khác	3.412.545.330	5.267.816.828
TỔNG CỘNG	**353.026.887.379**	**388.581.305.582**

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	61.874.653.163	35.729.758.396
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) khoản phải thu khó đòi	5.464.442.986	(4.919.629.679)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.263.320.769	4.200.210.700
Chi phí khác	9.993.325.812	19.524.848.135
TỔNG CỘNG	**81.595.742.730**	**54.535.187.552**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**1.767.691.953**	**5.300.472.688**
Thu nhập từ thanh lý tài sản	886.820.403	3.612.959.090
Khác	880.871.550	1.687.513.598
Chi phí khác	**(2.962.400.676)**	**(3.293.578.343)**
Các khoản phạt, bồi thường	(1.415.671.667)	(1.067.722.783)
Khác	(1.546.729.009)	(2.225.855.560)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	**(1.194.708.723)**	**2.006.894.345**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	1.419.475.497.613	1.206.059.261.601
Chi phí hàng hóa	858.054.910.868	806.241.969.934
Chi phí nhân viên	446.879.664.112	392.876.830.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.189.286.681	297.991.122.207
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 10, 11 và 12)*	22.194.446.472	21.500.002.254
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và khoản phải thu khó đòi	(2.509.803.139)	(33.783.086.631)
Chi phí khác	12.781.095.442	38.994.514.517
TỔNG CỘNG	**2.947.065.098.049**	**2.729.880.614.439**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty được quy định như sau:

(i) Công ty: Thuế suất áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế.

(ii) Nhà máy Long An: Thuế suất áp dụng là 17% trong vòng 10 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2017), miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 4 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (năm 2017).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 *Thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	86.995.727.456	58.516.694.305
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	2.727.261.492	-
	89.722.988.948	58.516.694.305
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(9.567.818.132)	-
TỔNG CỘNG	**80.155.170.816**	**58.516.694.305**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**375.732.604.461**	**287.680.929.703**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	75.146.520.892	57.536.185.940
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	2.390.307.578	1.616.582.401
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	2.727.261.492	-
Chênh lệch về thuế suất thuế TNDN	(108.919.146)	(611.764.036)
Thu nhập không tính thuế	-	(24.310.000)
Chi phí thuế TNDN	**80.155.170.816**	**58.516.694.305**

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Phải trả người lao động	8.634.407.400	-	8.634.407.400	-
Dự phòng hàng tồn kho	933.410.732	-	933.410.732	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***9.567.818.132***	***-***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh			***9.567.818.132***	***-***

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Pan Farm	Công ty mẹ
Công ty TNHH Hải Yến	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty trong cùng Tập đoàn
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Công Cử	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Vũ Thúy Hương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan	Cho vay	450.000.000.000	-
	Lãi cho vay	9.808.767.125	-
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cổ tức đã trả	74.827.168.500	41.113.830.000
Công ty TNHH Hải Yến	Mua dịch vụ	1.555.502.887	1.722.588.583
	Cung cấp dịch vụ	162.400.000	157.090.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Mua hàng	1.979.094.667	962.138.539
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Bán hàng hóa	1.603.180.000	865.282.000
	Mua hàng	679.800.000	203.940.000
	Cung cấp dịch vụ	10.946.000	62.219.000
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Bán nguyên vật liệu	602.120.000	562.830.000
Thành viên Hội đồng Quản trị	Cho mượn	3.428.350.000	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	97.650.000	-
Công ty Cổ phần Bibica	Cung cấp dịch vụ	27.147.800	35.399.000
Công ty TNHH Hải Yến	Cung cấp dịch vụ	28.512.000	28.512.000
Khác	Cung cấp dịch vụ	2.376.000	121.709.602
TỔNG CỘNG		**155.685.300**	**185.620.602**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Mua hàng hóa	1.008.049.689	203.940.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Mua hàng hóa	-	583.249.650
TỔNG CỘNG		**1.008.049.689**	**787.189.650**
Phải thu cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan	Cho vay (*)	450.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan	Lãi cho vay	9.808.767.125	-
Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi hộ thuế TNCN	3.981.263.351	1.107.026.239
TỔNG CỘNG		**13.790.030.476**	**1.107.026.239**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Hải Yến	Cho mượn	116.500.000.000	116.500.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị	Cho mượn	2.394.450.000	-
TỔNG CỘNG		**118.894.450.000**	**116.500.000.000**

(*) Đây là các khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả vào ngày 6 tháng 9 năm 2024 và hưởng lãi suất 6,8%/năm.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thù lao và các chi phí khác của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT	6.982.993.603	4.219.865.000
Ông Trương Công Cử	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	7.081.431.944	4.179.621.000
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	5.630.363.854	3.167.704.000
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc	2.697.610.734	1.651.175.000
Bà Nguyễn Vũ Thúy Hương	Thành viên HĐQT	489.106.583	629.540.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	489.106.583	629.540.000
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	489.106.583	629.540.000
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	263.000.000	263.000.000
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	132.000.000	132.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG		**24.386.719.884**	**15.633.985.000**

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	624.000.000	1.506.200.000
Trên 1 - 5 năm	1.352.000.000	142.680.000
TỔNG CỘNG	**1.976.000.000**	**1.648.880.000**

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	8.963.916.231	10.177.382.923
Trên 1 - 5 năm	3.512.445.937	10.408.340.528
TỔNG CỘNG	**12.476.362.168**	**20.585.723.451**

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết HĐQT số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 1 năm 2024, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng

Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty theo website: www.vfc.com.vn

Chất lượng đích thực

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 0302327629 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM ★ QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN BẠCH TUYẾT